

TRİ TÀN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

- * Lý-thường-Kiệt Nguyễn-văn-Tổ
- * Tùy hứng Nữ-sĩ Ngân-Giang — Bà Văn-Đài
- * Đã viết « Sử » sao còn chưa biết
những lối đặt tên của người mình ? Trãi-Quan
- * Đời văn-học của Lê-Thanh
(1913-1944) Hoa-Bằng
- * Đại-nam dật-sự (XXIX) Ứng-Hồ
- * Vấn-đề đọc sách ngày nay (bết) Hiệp-son Tu-Sĩ
- * Lại một bài thơ của Đỗ Chiêu Lê-thọ-Xuân
- * Những ông nghề triều Lê (LXXX) Nguyễn-văn-Tổ
- * Văn học Việt-nam hiện đại
(1900-1940) (III) Lê-Thanh
- * Nam dân bát châu thi thảo (XXIII) Tùng-Vân
- * Cháy cung Chương-Võ (tiểu thuyết XXIII) Chu-Thiên

0 \$ 40



Lý-thường-Kiệt

(Bài nối)

Ung-Hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Còn Tôn-Dẫn bị tiến vây châu Ung tri-châu là Tô-Dam đóng chặt cửa thành cố giữ quan ta đánh mãi, hơn bốn mươi ngày không lạ rồi Quan quân đắp đất vào vào thành để lên nên thành bị hãm. Tô-Dam bắt gia-thuộc 36 người chết trước, chôn xác vào một lỗ, xong rồi lấy lửa tự đốt: người trong thành cảm lòng trung nghĩa của Tô-Dam, không một người nào chịu hàng. Quan quân ta giết lết dân ấy đến hơn năm vạn tám nghìn người, cả những người chết ở châu Kỳ âm châu Liêm, kể có mấy chục vạn. Lý-thường-Kiệt bắt sống người ba châu đem về. Sau khi Tô-Dam chết, việc đến tại vua Tống, ban chiếu truy tặng Tô-Dam chức Phụng-quốc tiết-dộ sứ, tên thụy là Trang-dũng, cho mười thừa ruộng thưởng-diễn ở khu thứ nhất trong kinh thành, thân thuộc được bảy người làm quan, cho con là Nguyên làm chức Cấp môn chi hậu (*Khâm-dịnh Việt-sử*, q. 3, tờ 37 a-b, và *Đại-Việt sử ký*, bản-kỷ, q. 3, tờ 14b).

Sử-thần Ngô-thời-Sĩ có bàn rằng: « Nước ta với nước Tàu giao binh nhiều lần, từ nhà Tiền-Lý về trước (541 sau T.-C) khi được khi thua không nhất định, lại là việc cũ đã qua rồi. Kể từ khi Ngô-liên-Chúa (939-944) được ở Bạch-dăng, Lê-dại-hành (980-1005) thăng ở Lạng-sơn, Trần-nhân-tông (1278-1293) đánh được

Toa-đô, bắt sống Ô-nã-nhi, Thoát-hoan phải chạy trốn, đều là làm nhục cái sức mạnh của giặc trong khi hoanh-hành, thêm oai cái thế nước kiêu xâm phạm, thật là những việc hay của nước ta; nhưng đều là giặc đến nước, bất-đắc-dĩ mà phải đối địch, cái tình-hình quân một-một với quân thông thả có khác nhau, thì cái thế bên chủ và bên khách cũng không giống nhau. Ôi! ra trận đờng loạng, ngọn cờ chính-dáng, mười vạn quân hoanh-hành, đi sâu vào nơi đất khách, phá dân-chúng ba châu như bể củi khô, ở trong cõi thì không ai dám đầu mũi nhọn, đem quân về cũng chẳng có bọn nào theo sau: dụng binh như thế, chẳng phải là một việc ít có của nước ta ư? Cho nên tôi bảo trận đánh Ung, Liêm này, là vũ-công thứ nhất từ xưa đến nay. Lý-thường-Kiệt xuất thân là một người hoạn-thị, mà lập được kỳ-công như thế người Tống thờ tạc nhiều lắm... » (*Đại Việt sử ký bản kỷ*, q. 3, tờ 15 a-b).

Về việc này phong-dục ta có câu: « Nực cười châu-châu chống xe, tưởng là châu ngã ai dè xe nghiêng ». Châu-clẩu vì nước ta bé nhỏ thì chống nổi thế nào được với Tàu to-lớn như cái xe? Thế mà Lý-thường-Kiệt hai lần đánh được quân Tàu, liêng nổi xưa nay, cho nên người trong nước bấy giờ đặt câu ca-dao ấy để kỷ công Lý-thường-Kiệt. *Ngự-chế Việt-sử*

tông vịnh (q. 7, tờ 6 a) của vua Tự-đức cũng có câu rằng: « Lý-thường-Kiệt nhiều mưu-lược, có tài tướng-sứ, hai lần đánh được quân Tống, thanh thế lấy lòng, xưa nay truyền tụng là vũ công thứ nhất ».

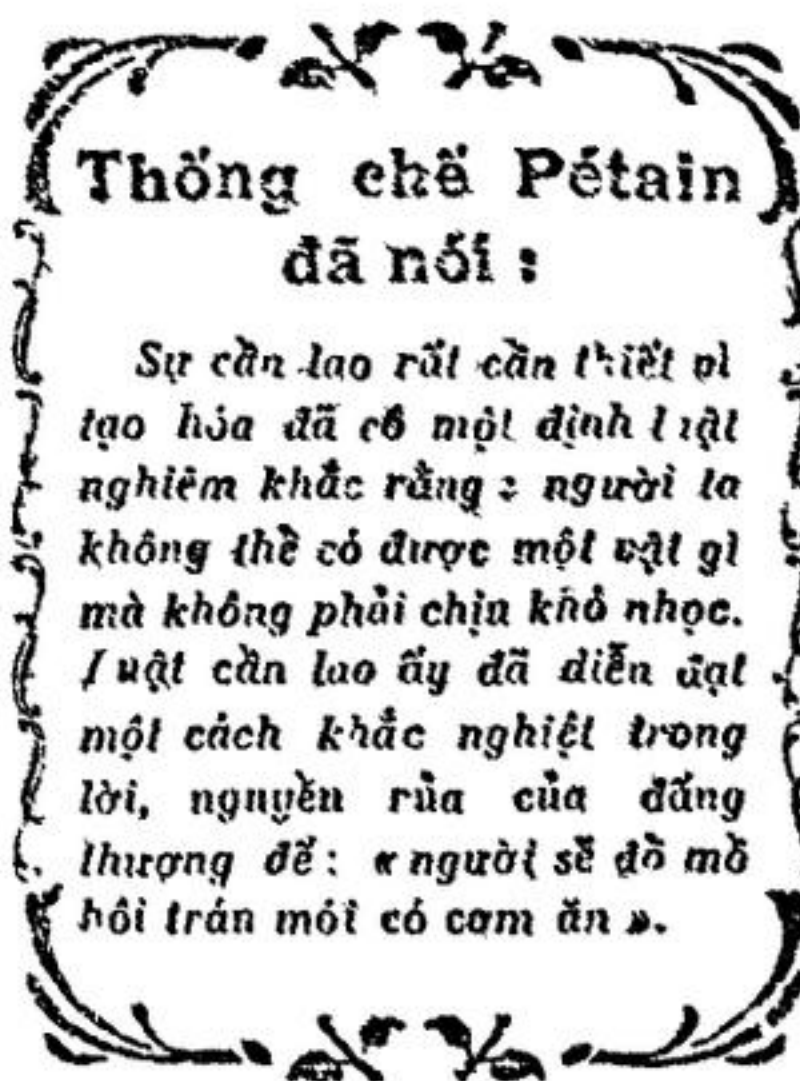
Tháng 3 năm bình-thiên (1076) là năm thứ 9 hiệu Hy-ninh đời Tống Thần-ông, bên Tàu sai Quách-Qỷ làm Chiêu-thảo-sứ, Triệu Tiết làm phó, lợp với quân Chiêm-thành và Châu-lạp sang xâm lấn nước ta. (*Sử Tàu như quyền Tống-sử*, q. 15, tờ 6 b, và *Thống-giám cương-mục*, tự biên, q. 7, tờ 8 a, đều chép việc này về tháng 2 năm bình-thiên.)

Nguyên lúc bấy giờ Vương-an-Thạch nghe châu Khâm châu Liêm bị hãm, đã lo, lại nhận được tờ lộ-bố của nước ta kể tội nhà Tống làm phép thanh miếu nguyên năm thứ 2 hiệu Hy-ninh nhà Tống (1069), Vương-an-Thạch đặt ra phép « thanh-miếu », quan xuất tiền cho dân vay, đến mùa nộp lãi hai phần, tháng giêng xuất tiền cho vay thì mùa hạ thu lấy lãi; tháng năm xuất tiền cho vay thì mùa thu thu lấy lãi, gọi là tiền thanh-miếu. (*Thống-giám cương-mục*, tự biên, q. 6, tờ 7 b.) Thế là làm cho sinh-dân cùng-khổ. Nước ta đầy quân, muốn cửa vượt. An-Thạch càng tức giận, bèn cho Thiên-chương-các Đãi-chế là Triệu Tiết làm chiêu-thảo-sứ đem quân

sang đánh. Triệu-Tiết nói rằng: Quách-Quỳ quen việc biên-cương, xin cử làm chánh-sứ mà mình làm phó. Vua Tống y theo lời nói sai bọn Quách-Quỳ đem 9 lương-quân, họp với quân chiêm-thành và Châu-lạp sang xâm lấn. Vua Lý Nhân-tông (1072-1127) sai Lý-thường-Kiệt đem quân đón đánh ở sông Như Nguyệt, quân Tàu thua to, người Tống chết hơn nghìn người, bèn đem quân lui về (Đại-Việt sử-ký, bản-kỷ, q. 3 tờ 16 a-b, và Khâm-định Việt-sử, q. 3, tờ 38 a-b).

Đến tháng 12 năm ấy (1076) bọn Quách-Quỳ lại đem quân từ phía tây vào thẳng sông Phú-lương (Núi Hà) Quan quân ta đem thuyền đón đánh, quân Tống không sang dò được, bèn dẫn cây làm khí-giới, ném đá như mưa, thuyền quân ta đều hư-hỏng, quan quân ta bị đánh úp chết mất hơn nghìn người. Vua Lý sai sứ đến của quân nhà Tống xin nộp lễ cống-kheoan để cầu hòa bình. Nhân người Tống đi vào đất lam-chương, sĩ tốt tám vạn người, chết mất quá nửa, lại đóng đồn lâu ở bờ sông, không qua sông được bèn y theo lời xin hòa khi lui quân lại cướp lấy mấy châu huyện: Quảng-nguyên, Tư-lang, Tô-mậu và Quang-lang, rồi mới về (Khâm-định Việt-sử, q. 3, tờ 38 b và 39 a).

Sử Tàu Thông-giám cương-mục (q. 7, tờ 8 a) chép: tháng 2 năm binh-thần Quách-Quỳ làm An-nam chiêu-thảo-sứ. — Vương An-Thạch nghe Khâm, Liêm bị hãm, không vui, lại được tờ lộ-bố của người Giao-chỉ, nói Trung-quốc làm phép thanh-miền, « thế là làm cùng khổn sinh-dân, nay dấy quân



đề cứu vớt». An-Thạch giận lắm, cho Thiên-chương-các Đãi chế là Triệu-Tiết làm Chiêu-thảo-sứ, Hoạn-giã là Gia-châu Phòng — Ngự-sứ là Lý-liễn làm phó-sứ, đem quân sang đánh Lý-Hiến ở lâu biên giới tây bắc, hay bàn việc quân, khi Vương-thiền-Chi mở Nhiệt-hà, Hiến dự có công khổ nhọc, cho nên đứng; nhưng Tiết với Hiến nói chuyện không hợp. Vua Đường hỏi Tiết: « Ai có thể thay Hiến? », Tiết tâu Quách-Quỳ là người lão luyện việc biên-cương, xin cho làm chánh-sứ mà mình làm phó. Vua Tống y theo lời nói, xuống chiếu cho Chiêm-thành và Châu-lạp họp quân đi đánh Giao-chỉ.

Tháng 12, đánh được quân Giao-chỉ ở sông Phú-lương, Lý Càn-Đức (tức Nhân-tông) xin hàng. Quách-Quỳ đóng quân ở Trảng-sa, trước sai tướng lại đi đường Ung-Liêm; Quỳ tự làm tướng đi từ phía tây vào, đến sông Phú-lương, người Mân (Tàu chép chuyện ta, nên chép như thế) đem tinh-binh cưỡi thuyền đón đánh, quan quân (Tàu) không sang dò được, Triệu-Tiết

mới sai tướng lại dẫn gỗ làm đê chiến-cự, nên đá như mưa, thuyền Mân đều hỏng nát, nhân dịp phục binh đánh úp, chém được vài nghìn người Mân, gặt được Ngụy Thái-tử là Hồng-chân (Sử Nam ta không thấy chép có Thái-tử nào và ai là Hồng-chân bị bắt hay bị giết). Lý Càn-Đức sợ, sai người đến cửa quân xin hàng, quan quân (Tàu) tám vạn người, bị khí lam-chương chết quá nửa, Quỳ cho là từ sông Phú-lương cách nước Tàu không xa, bèn không sang dò nữa, lấy được châu Quảng-nguyên, châu Tư-lang, châu Tô-mậu (sử ta chép là hai châu, sử tàu chép là một) và huyện Quang-lang rồi về. Quan quân lấy mừng, ban chiếu đổi châu Quảng-nguyên làm châu Thuận, chia (tên) Càn-Đức, trị Lưu-Di, Tả-Khởi về tội sinh sự ở biên-cương, bắt yên-trị các châu. (Thông giám cương mục) q. 7, tờ 8 b).

Cứ như thế, rõ ràng là vua Tống sai bọn Quách-Quỳ sang nước ta từ tháng 2 năm binh-thần, đến tháng 12 Quách-Quỳ đến Phú-lương, lấy các châu Quảng-nguyên còn Triệu-Tiết là phó-sứ của Quách-Quỳ, cùng với Quách-Quỳ cùng là một việc. Thế mà Đại-việt sử-ký toàn-thư (q. 3 tờ 9 a) chép Quách-Quỳ và Triệu-Tiết lấy châu Quảng-nguyên vào tháng 3 năm binh-thần; đến tháng 12 năm định-ty lại chép: Triệu-Tiết sang xâm lấn, không được đem quân về. Thế là đem việc tháng 12 năm binh-thần làm năm định-ty: một việc lại chép làm hai, nhưng không phải đúng phép chủ-quan.

Năm (1078) vua Lý sai Đạo-Nguyên đem năm con thuyền lương

(voi đã cưới quen) đưa sang nhà Tống, dâng bầy xin gả lại những châu huyện bị mất và những dân bị cướp, vua Tống không cho, giao hẹn bên ta phải gả lại người ba châu Khâm, Liêm, Ung, thì mới bằng lòng. Đến năm 1079 nước ta đưa gả những người ba châu về Tàu, nhà Tống gả lại châu Quảng nguyên và các châu huyện.

Chỗ đất Quảng - nguyên nhiều vàng, cho nên người Tàu bấy giờ có câu thơ « Nhân tham Giao - chỉ tượng, khước thất Quảng - nguyên kim », « vì tham voi Giao - chỉ nên mất vàng Quảng - nguyên » (Lược theo Khâm định Việt-sử, q. 3, tờ 40 b đến 42 b, vì đoạn này không liên-can đến chuyện Lý-thường-Kiệt nên chép qua cho có đầu đuôi).

Đến năm tân-tý (1101) là năm thứ 1 hiệu Long-phù, vua Lý Nhân-tông thăng Lý-thường-Kiệt kiêm chức nội-thị phán-thủ đồ - áp - nha, hành-diện nội ngoại đô-tri-sự (Khâm-dịnh Việt-sử, q. 4, tờ 3 a, dẫn Lê-quý-Đôn Kiến-văn-lục, chú thích rằng: Hành-diện nội ngoại đô-tri-sự là đại-thần trọng chức, còn chức phán-thủ Đồ-áp-nha thì chưa rõ).

Tháng mười năm sau (1103), người châu Diên là Lý-Giác làm phản.

Vua Lý Nhân-tông hỏi: « ai là tướng giỏi đi đánh? » Quân thần đều cử Lý-thường-Kiệt, Vua nói: « Lý-Giác là tên giặc Kiệt-hiệt, nên

chọn người nào mạnh khỏe mới được, Thường-Kiệt ở chốn nhung-trướng đã lâu, nay già rồi, lại giao cho việc quân, không phải cái bản-tâm của Trẫm đãi bậc lão-thần. » Thường-Kiệt cúi đầu tạ rằng: « Thần năm trước chưa quen tướng-lược, dẹp Chiêm đánh Tống, may mà thành công, ấy đều là oai-linh của Bệ-hạ và các tướng-

Lý-Giác chốn vào Chiêm-thành, nói rõ tình-hình hư thực trong nước, chúa Chiêm là Chế-ma-na (Jaya Indravarman II) tin theo, cất quân vào ăn cướp, chiếm giữ 3 châu Lâm-binh, Bồ-chánh và Minh-linh (Quảng-trị, Quảng-bình bây giờ) là những châu Chế-củ (Rudravarman III) dâng vua Lý năm 1069.

Tháng hai năm sau (1104) vua Lý lại sai Lý-thường-Kiệt đi đánh Chiêm-thành quân Chiêm bị thua, chúa Chiêm lại gả lại đất 3 châu mới xâm chiếm (Khâm-dịnh Việt-sử, q. 4, tờ 4 b và 5 a).

Tháng sáu năm thứ 5 hiệu Long-phù (1105) Lý-thường-Kiệt mất, vua Lý Nhân-tông ban chiếu truy tặng chức nhập-nội đô-trị kiêm - hiệu-thái-úy bình-chương quân-quốc trọng sự, tước Việt-quốc-công, được thực ấp vạn hộ (nghĩa là được, thu thuế muôn nhà, cũng như bây giờ có lương hưu hoặc tiền tử-tuất).

Em là Lý-thường-Hiến được phong tước hầu.

Các sử thần đều khen Lý-thường-Kiệt là người có tài tướng-sứ, tinh về thao-lược, từ khi sung chức Hoảng-môn chi-hậu đến khi được phong thái-

úy, thờ ba triều vua, đánh Tống dẹp Chiêm, công-danh trọng vọng, được vua yêu không ai bằng.

Sau khi mất, dân bản-phương (Thái hòa) thờ làm thần, được các triều vua đời sau phong-tặng. (Khâm-dịnh Việt-sử, q. 4, tờ 5 a và Lịch triều hiến chương, A2124, q. 4, tờ 2 a-b).

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-T

Khóc bạn Lê-Thanh

I

Dường trần ngán nhĩ duyên văn-tự !

Cuộc thế thôi rồi nợ núi sông !

Lạnh-lẽo đồng hoang, mờ một nấm,

Hoa thơm, thấp một nén hương lòng !

NỮ-SĨ NGÂN-GIANG

II

Kiếp sống trăm năm chung mộng ảo

Tóc xanh sớm vội bạc đầu ai

Chí to, phận mỏng. Trời ! ai oán

Bút tui, hồn mê. Ngán ! cảm hoài

Hữu hạn gió mưa thương vận mệnh

Vô duyên non nước khóc anh tài

Ba mươi ba tuổi đời không trẻ

Sự nghiệp nghìn thu vẫn sống dai

BÀ VĂN-ĐÀI

thần cố sức giúp, nay đời ơn vua, ngôi cao lộc nhiều như thế, nếu ngôi trông giấc Lý-Giác kiêu-hãnh, thì thần chết không nhắm được mắt. Tàn rồi, xin đi, vua khen là mạnh mà y cho. Quân đến Diên-châu, đánh được, Lý-Giác thua to chạy vào Chiêm-thành, dư-dãng yên hêi (Khâm-dịnh Việt-sử, q. 4, tờ 3 b và 4 a).

TRẦN QUÂN

DỜI VĂN-HỌC CỦA LÊ-THANH

(1913-1944)

*Dưới đây là bài diếu văn của Hoa-Băng đọc hôm 27 Avril 1944
nói về văn-nghiep của bạn Lê-Thanh*

Sau khi theo sát một chiếc xe tang đi từ bệnh-viện phố Gambetta đến phúc trang Hợp-thiện là chỗ ở cuối-cùng của người bạn thân chúng tôi đây, và giữa những tiếng khóc than thảm não của tang gia dưới một bầu trời ảm-đạm này, tôi biết nói gì bây giờ!

Mặc dầu chúng tôi « bắt » đến đâu, nhưng đối với một người bạn thân trong giờ phút thiêng-liêng quá cảm động, quá đau đớn này, bốn phận buộc chúng tôi phải cố tỏ đôi lời ai diếu với bao thương tiếc ngậm ngùi.

Bạn Lê Thanh, chính tên là Nguyễn văn-Thanh, sở dĩ từ các tác phẩm đến các bài báo, không lấy chữ đệm là « Văn » mà thường ký chữ « Lê » trước chữ « Thanh » là vì « Lê » là họ của bà thân mẫu, nên bạn tôi muốn tỏ ra rằng bao giờ cũng nhớ công lao của nước trong nguồn ngành với núi Thái-sơn vôi vọi.

Nguyễn quân tên tự là Khiết-phủ, sinh ngày mồng 8 tháng giêng năm quý-sửu (1913) quán làng Cam-dà, huyện Tùng-thiện, tỉnh Sơn-tây.

Hồi năm ngoài, nhân dịp lên Cam-dà diếu tang ông thân-sinh Nguyễn-quân, nhìn những khoảng đồi xác cây cằn, những gạch ong đất đỏ, tôi có nói riêng với bạn Trúc Khê: « Có lẽ sự

chung đúc nên ngôi bút của Lê-Thanh là do địa linh ở đâu đâu, chứ miền này cảnh-trí không có gì là đặc sắc cả. »

Quả thế, Nguyễn-quân, từ nhỏ, đã di cư và lớn lên ở bên Lào, đã từng ngắm những cơn sông cả nước và qua những khu rừng rậm-rạp ở Ai-lao.

Từ năm 1935, Nguyễn-quân bắt đầu bước chân vào làng văn làng báo, viết những bài phê-bích có giá-trị trên tờ *Tin văn* là tờ tuần báo chuyên về văn chương như tên nó đã mang đó.

Ban đầu, Nguyễn-quân, cũng như trăm nghìn bạn thanh-niên khác, không át được những hồng-bột của cái tuổi 24, 25, nên đã cho ra những tập tiểu-thuyết như *Ly-di* và *Năm mỗ thanh-niên* đó.

Rồi từ đấy, Nguyễn quân, tiến theo thời gian, và tư tưởng cũng biến thiên theo duyệt lịch, có ý quay về con đường phê bình, nên năm 1939 Nguyễn-quân cho ra cuốn *Thi-sĩ Tân-Đài* là một tác-phẩm đã được trong làng văn suốt ba kỳ chú ý đến.

Tôi xin đan cử một đoạn văn chưa in của Nguyễn-quân khi phê bình về Hồ xuân Hương đề các ngài định chân giá trị cho ngôi bút của tác giả: « Có một điều chắc-chắn—theo văn-chương—nàng là một người có cái số

phận hẩm hiu, tình duyên trắc-trở, nàng đã lấy lẽ tông Cóc, lấy lẽ ông phủ Vinh-tường, giao-thiếp với Phạm-dinh-Hồ, tức Chiêu-Hồ. Vì vậy nên mỗi khi thối ra một lời là có cái giọng chua chát. Nàng cho là tình đã trêu cợt nàng, nàng trêu cợt lại tình. »

« Vì trong thơ nàng có « quỉ » nên nàng là mối bất bình cho cả cái thế hệ nhà văn đồng thời với nàng và là mối ngạc nhiên cho tất cả những thế hệ văn học về sau. Nhưng cũng vì có cái « quỉ » ấy mà thơ của nàng được phổ thông không những ở trong đám bình dân chất phác—thơ của nàng cũng chất-phác ngay thơ—mà cả trong đám thượng lưu xã hội. »

Ngày nhà thơ Tân-Đài vẫn công-phấn (hai chữ « công-phấn » này, tôi tưởng nên sửa lại là « bất mãn » thì hơn) nói: « trong thơ có quỉ » nhưng vẫn đọc và chịu ảnh hưởng. »

Năm 1937-38, Nguyễn-quân giữ tòa soạn báo *Phụ Nữ* ở ngõ Hội-vũ, trong khi vừa làm công chức « sớm vác ổ đi, tối vác về. »

Hồi tháng sáu 1941, tạp chí Tri-Tân ra đời, qua tháng tám năm ấy Nguyễn-quân cộng tác với chúng tôi về bài vở. Nhưng lúc gặp gỡ các bạn văn, Nguyễn-quân thường có nhiều điều kiến nghị và luận.

văn rất xác-dáng. Những bài ký dưới hai chữ « Lê-Thanh » hoặc « Khiết phủ » đăng trong Tri-Tân, học lực và văn tài của tác-giả thế nào, tưởng nhiều bạn gần xa cũng đã biết rõ.

Trong mấy năm gần đây, Nguyễn quân rất hoạt động về văn-học. Nhất là từ năm ngoái đến giờ, bạn tôi đã lần lượt cho ra mắt các độc-giả được những tác-phẩm như *Lú-Mở*, *Trướng vĩnh Ký*, *Cuộc phỏng vấn các nhà văn*.

Công cuộc phỏng vấn này, tôi cho là một việc rất cần kíp. Vì làng văn ta khác với nhiều nước khác: Phần đông nhà văn ta đây đều nhờ công tự tu mà tiến lên cả, nên ít khi có thể tìm giấy tờ ở các trường học mà biết được lý-lịch của từng nhà văn, nếu một khi cần đến.

Mà nhất là muốn tìm biết đến thủ-tục làm thành một bộ sách có giá-trị của ai lại càng trăm khó nghìn khó.

Nếu không có người làm những cuộc phỏng vấn, thấu nhặt tài liệu quan-bệ đến văn học như Nguyễn-quân đã làm ấy, tôi tưởng nhà viết văn học sử sau này chắc sẽ gặp phải biết bao hòn đá chặn đường!

Theo đuổi công việc làm cho văn học Việt nam ấy, Nguyễn-quân, cứ đến cuối mỗi năm, trên tờ *Tri-Tân*, thường có một bài « Tính số Văn-học ». Đó là một ý cung tài liệu cho việc làm văn học sử tương-lai.

Những tài liệu về văn học đó, Nguyễn quân có ý dần dần đem ra văn thế, nên đã giao cho một nhà xuất bản ở Hanoi cuốn « Văn học Việt-ham năm 1943 » và

đang đăng ở *Tri-Tân* thiên « Việt-nam văn học hiện đại » (từ 1900 đến 1940).

Từ năm ngoái (1943), Nguyễn quân lại viết giúp tờ *Tin Lào* bên Ai-lao.

Một nhà công chức vừa tòng sự vừa biết lợi dụng từng giờ rảnh mà làm việc cho văn học như thế tưởng cũng ít có.

Nhưng cũng vì bạn tôi tận tụy với ngòi bút, làm việc quá sức, con vi-trùng Kock kia mới từa hự mà tác hại được cái thân lành giống cao, bộ ngực lép-lẹp và da-dẻ thường xanh đỏ.

Than ôi! Tôi quên làm sao được: cách đây độ nửa tháng, bạn Lê-Thanh chính tay cầm tập bài đến nhà riêng tôi, trao cho tôi mà dặn rằng: « Bài này chỉ có một bản. Xin bác giữ bản cảo cho. » Ôi, tôi không ngờ thiên « Việt nam văn học hiện đại » đang đăng trên *Tri-Tân* kia lại là thiên tuyệt bút và là di-mặc của Nguyễn quân, mà ngày 20-4-44 tôi vào thăm Nguyễn quân ở bệnh-viện phố Gambetta đó lại là ngày như bạn cuối cùng.

Than ôi! Tôi quên sao được: một đêm trời đông lạnh lẽo, ánh đèn mờ mờ, Nguyễn quân đứng trên hiên nhà gác, tôi đứng trên lễ đường trước số 9, phố Nhà-hồ, đôi ta cùng tha-thiết, hồi hồi, tích biệt, sau những phút cách ngó mà nói chuyện về văn chương. Đó chỉ là một trong biết bao kỷ niệm bất diệt giữa tôi và bạn.

Nay, thương ôi! Bạn Lê Thanh, mới 32 tuổi, hồi 1 giờ sáng 26 tháng tư 1944, đã vội dứt tình ra đi, bỏ lại đằng sau bao việc cần làm cho văn học Đại-Việt.

Xưa cụ Yên-dồ, khóc cụ Duong-Khuê có câu:

« Rượu ngon không có bạn hiền,
« Không mua không phải là ông
tiền không mua! »

Cổ nhân uống vì vui bạn; vắng bạn thì không muốn uống.

Còn chúng tôi nay biết nói sao đây? Chúng tôi mơì g, với nỗ lực, với thốn tiền, cố theo đòi với các bạn làng văn, gom công góp sức vào việc văn học nước nhà trong muôn một, đề gọi là khỏi phụ lòng bạn bấy lâu vẫn trạch vọng vào tôi.

Thương ôi! Bạn Lê Thanh ôi!
HOA BANG

Đang in

Làm bếp giỏi

của Bà VÂN-ĐAI

- Có ngót một nghìn món ăn khác nhau và nhiều thực đơn thay đổi
 - Được đặc quyền in bằng giấy tây.
- Sách in có hạn. Ai mua gửi tiền trước.

Giá sách 6\$50 — Cước 1\$20

Vì tình thế hiện thời, ông Đình văn Tuệ không ở Hanoi
Thư và mạn-lai nào gửi rồi thì thôi. Còn từ sau bạn nào
mua sách, cứ gửi thư cho:

Bà ĐÀO-THI-MINH

118 Phố Duvillier — Hanoi

ĐẠI-NĂM DẬT-SỰ

Số 29

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXII. — Nam-chiếu hăm thành đô-hộ

Kỳ sau tôi sẽ nói về chuyện quân Nam-Chiếu hạ được phủ đô-hộ của nhà Đường, nay hãy chép chuyện một chức đô-hộ là Lý-Hổ, vì bất-tại, nên Nam-Chiếu quấy nhiễu sau Cao-Biền sang, mới dẹp nổi. Trước khi chép chuyện, nên nói qua về lý lịch Nam-Chiếu như sau này: Tiên-tổ Nam-Chiếu vốn là người Ai-lao, tức là giống Thái ở Dêu-châu. Táy đường địa-lý chỉ chép Dêu-châu ở phía đông quận Vân-nam, phía nam giáp Giao-chi, phía tây giáp Thổ-phồn. Tiếng rợ ấy gọi vua là Chiếu. Trước có 6 Chiếu; Chiếu Mông-xá ở về Cực-nam, nên gọi là Nam-chiếu. Đến đời Khai Nguyên (713-741) Nam-Chiếu dân đông mạnh, mà 5 Chiếu kia suy yếu. Kê-m-na-tuê độ-sứ là Vương-Dực xin hợp 6 chiếu làm một, triều-dinh nhà Đường y cho, đặt tên là Quy-nghĩa, từ bấy giờ oai phục các rợ khác, phá nước Ti-đồ-phồn, dời đến ở thành Thái-hòa, sau hóa ra một mối lo ở bên-cường. Đường-thư Nam-chiếu chuyện chép: « Nam-chiếu từ khi hợp sáu chiếu làm một, truyền đến con Phong-Hựu là Tử-Long, năm 860 xưng đế, đặt tên hiệu là Kê-n-cự, gọi nước là Đại-lẽ, thường thuồng vào cướp Giao-châu, sau đến Cao-Biền mới đuổi được (Khâm-định Việt sử, tiền biên, q. 4, tờ 35 b).

Năm ấy là năm thứ nhất hiệu Hàm-thông (860). Giặc ở Tích-

đông bên Tàu là Cửu-phủ làm loạn. Vua Đường cùng đình-liền bàn nhau kén tướng đi đánh, Hạ hầu-Tư tâu rằng: « Vương-Thức là con nhà học-trò trước ở An-nam có công, nên dùng người ấy làm tướng ». Vua Đường với Vương-Thức cho làm Tích đông quân-sát-sứ, cho Lý Hổ sang thay làm An-nam đô-hộ vào hồi tháng 3 năm ấy (860).

Lý-Hổ đến nơi, giết tù-trưởng là Đỗ-thủ-thưng, cho pên đảng của Chưng dẫn Nam-chiếu ở Vân-nam xuống đánh. Lúc bấy giờ vua Nam-chiếu là Phong-Hựu đã chết như trên kia đã nói, con là Tử-Long nối ngôi, chỉ ham dùng binh nên không năm nào không ra quân trong nước con gái từ 15 tuổi dõ xuống bắt hết ra lính.

Tháng 11 năm ấy (860) (Khâm-định và toàn-thư chép tháng 12) dân bản-thổ dẫn hơn vạn quân Nam-chiếu (Đại-Việt sử ký, tiền biên, q. 6, tờ 15 a chép: hơn một vạn; Việt-kieu-thư, q. 4, tờ 12 a chép: hơn ba vạn), nhân khi bố chống không đánh hăm được phủ thành đô-hộ. Lý-Hổ cùng Giám-quân chạy về Vũ-châu.

Đến mùa xuân tháng giêng năm thứ hai hiệu Hàm-thông (861) vua Đường xuống chiếu đem quân châu Ung và quân những đạo lân-cận sang cứu Lý Hổ, đánh Nam-chiếu (Khâm-định, tiền biên, q. 4, tờ 39 b và 40 a, Sử-ký, tiền biên, q. 6, tờ 15 a, Toàn-thư, q. 5, tờ 10 a, Việt-kieu-thư, q. 4, tờ 11 a).

Cột đồng Mã-Viện

Ngày 12 tháng 9 năm 1941, tôi có đăng trong Tri-tan (số 14, trang 3) một bài đề là Cột đồng Mã-Viện, kết luận rằng: sáu chữ « Đồng-trụ triết, Giao-chi diệt » Sử ta không nên chép nữa, vì không có chứng-cớ đích-xá.

Tập Bulletin des Amis du Vieux Hué về tháng 10 11 năm 1913, vừa in xong, có đăng một bài chữ Pháp của ông Đào-duy-Anh ở trang 349 360, đề là Les Colonnes de bronze de Mã Viện, nói cột đồng của Mã Viện có lẽ ở núi Thành, tức núi Lang-thành, hay núi Đồng trụ, tên chữ là Hùng-sơn, thuộc tỉnh Nghệ-an. Ông cho lời phán đoán của ông gần hợp với lời chép ở Ngô-lục và Tùy-thư. Nhưng tôi chưa lấy gì làm chắc, vì đã ai đào thấy đ. lịch gì đâu? Ông nói đến bài của tôi, tuy có lược nhặt mấy bộ sách cổ, nhưng vẫn chưa chiếu thêm được ánh-sáng vào vấn-đề. Song ông cũng theo ý-kiến của tôi, là không nên chép lời thề của Mã-Viện vào Sử ta, vì lời thề ấy là tự n. ưng người hiền kỳ bí đặt ra, chứ không thật của Mã Viện.

Nhân có bài của ông, tôi đem sách tàu sách ta nói về đồng-trụ, khảo thêm những chỗ chưa nói đến; vì bài trước tôi chỉ chủ-ý nói lời thề của Mã-Viện mà thôi.

Trước hết, tôi cải-chánh chỗ ông Đào-duy-Anh dẫn sách không rõ. Ông nói núi Đồng-trụ ở Nghệ-an, ông không nói núi ấy ở làng Nghĩa-liệt và Phú-diên, huyện Hưng-nguyên (nay là phủ) và không nói núi ấy có một tên nữa là Tuyên-nghĩa. Có tục truyền về

núi Thành, thì có lẽ có tục truyền về «Đồng-trụ». Hiện nay tiếng Nam ta dùng chữ «đồng-trụ» có hai nghĩa: Một nghĩa chép trong tự-vị là cột đồng, hoặc cột đồng Mã-Viện, còn một nghĩa nữa là cột xây bằng gạch ở tam quan đình và chùa, các làng Bắc-kỳ đều gọi cột tam-quan ấy là «đồng-trụ» hoặc «cột đồng trụ»; không rõ vùng Thanh Nghệ cũ giống như thế không. Vậy cần phải biết rõ xem người ở vùng Nghĩa-liệt và Phú-diên gọi đồng-trụ là cột gạch hay cột đồng. *Đại-nam nhất thống-chí* (q. Nghệ an, tờ 14 a và b) chép như sau này: «Hùng sơn ở địa-phận làng Nghĩa-liệt và Phú-diên, thuộc huyện Hưng nguyên (nay là phủ), xưa gọi là núi Đồng-trụ, có tên là núi Tuyên-nghĩa, có tên là núi Lam thành. Đồng-băng,

đột lên một dãy núi cao chót-vọt, chạy thẳng tới Lam-giang, giữa dãy núi có thành Trưo g pl u, trên đỉnh núi có chỗ cắm cờ, tương truyền chỗ ấy là đồng trụ ngày xưa». (Không nói đồng trụ nào). *Đại nam nhất thống-chí* (q. Nghệ an, tờ 14 b) chưa chép Tuyên nghĩa như sau này: «Xưa tương truyền mà Minh là T ai Diêu làm quan ở thành ấy. Khi Lê Thái tổ khởi nghĩa từ huyện Đông a (tức huyện Hưng-sơn, tỉnh Hà-tĩnh) đến đánh, T ai Diêu ra trận bị chết. Sau Lê Thái tổ cho là có nghĩa, phong làm Tuyên nghĩa sơn».

Đến mục cổ-lí h (q. Nghệ an, tờ 37 a) chưa chép nghĩa chữ thành Trưo g pl u là «thành ở trên đỉnh núi Hùng-sơn, cao sáu, bảy thước (2m40) - 2m70), chu vi độ một dặm, tương truyền Trưo g pl u đời Minh đắp thành ấy. Lại có một đồng đá cao độ bốn, năm thước, tương truyền là cột cờ của Trưo g pl u».

Trong bài của ông Đào Duy-Anh ở trang 352, có dẫn *Lĩnh-ngoại đại đáp* nói cột đồng Mã-viện dựng ở Khâm-châu bên Tàu, tôi đã nói ở quyển hai, (tờ 10 a, cột 4) về mục *Chiêm thành* có câu: «Chiêm thành Hán Lâm ấp già, cảnh thượng hữu Mã-viện cổ trụ...» nghĩa là nước Chiêm thành là huyện Lâm-áp đời Hán, trên cõi đất có cột đồng của Mã-Viện...; Như thế là *Lĩnh ngoại đại đáp* cho cột đồng ở Lâm-áp, chứ không phải ở Khâm-châu.

Xét mấy quyển sách tàu sách ta, tôi đã dẫn trong bài trước, thì có hai thuyết: một thuyết cho cột đồng ở phía tây Khâm-châu, có

púi Phan-mao (tiếng ta gọi là Cờ-rê) làm giới hạn cho nước Tàu và nước ta. Sách tàu như quyển *Dư-địa kỷ thắng*, *Đường thư*, *Thống-chí*, sách ta như *Đại-việt sử ký tiền-biên*, *Đại-việt sử-ký toàn-thư*, *An-nam chí-lược* theo về thuyết ấy. Còn một thuyết nói cột đồng ở phía nam Lâm ấp, làm giới hạn cho nhà Hán với nước Tây-dồ di, sách tàu như *Ngô-lục*, *Tây-thư*, *Thủy kinh chú*, *Tư trị thông-giam*, *Lĩnh biểu lục-dị*, *Lĩnh ngoại đại đáp*, *Thống-diệu* và *Thái bình Hoàn vũ*, sách ta như *Khâm định Việt sử*, *Tiền-biên*, *Dã sử*, *Nghệ-an thi tập* của Bùi Tồn-am, *Văn-dại loại-ngữ* của Lê quý-Dôn, cũng theo về thuyết đồng-trụ ở Lâm ấp. Nhưng vì Lâm ấp biệt lập thành nước đến gần 2000 năm, cho nên những tên đất thay đổi, khó xác định chính xác: người thì cho là Nghệ-an, người thì cho ở Quy-ngãi, người thì cho ở Phú-xén, mà vẫn chưa tìm thấy di tích ở đâu.

Duy có quyển *An-nam chí nguyên* và *Đại Thanh nhất thống chí* thì chép cả hai thuyết cột đồng Mã-Viện ở Lâm ấp, cột đồng Mã-Tổ ở Khâm-châu. Nhưng *Sử-tàu* và *Sử ta* đều chép Mã-lông dựng cột đồng ở chỗ Mã-Viện, thế thì lại càng khó hiểu. Vì rằng: việc đời trước mà người sau chép, kể qua hai ba người, thì thường có chỗ sai. Xem như *Thái bình Hoàn vũ* lý (q. 171, tờ 8 a) chép: «Nhà Hậu-Hán sai Mã-Viện đánh rợ Lâm-áp...» xét ra nước Lâm-áp mãi đến năm 137 sau T. C. mới (Xét tiếp trang 20)

BẠN MUỐN CÓ ĐỦ ẢNH CÁC NHÀ VĂN DANH TIẾNG VIỆT-NAM

Như Đào Duy-Anh, Nguyễn-văn-Tổ, Trần-trọng-Kim, Phạm-Quỳnh, Nguyễn-văn-Vinh, Phan-trần-Chúc, Đào-rình-Hải, Nguyễn-Tuân, Thế-Lữ, Tú-mỡ, Trần-thanh-Mại, Vũ hoàng-Lương, Vũ-trọng-Phụng, Lưu-trọng-Lưu, Ngô-tất-Tổ, Nguyễn-Hồng, Hàn-mặc-Tử, Đông-Hồ, Tô-thứ-Sơn, Phan-Khôi, Quách-h-Tấn, Huy Cận, Xuân-Diệu, Đoàn-phú-ừ, Trần-tuấn-khai, Hoàng-ngọc-Phước, Tấn-Đà, Tam-Laug, Trưo g pl u-Lang v.v..

Tất cả 40 ảnh (Kb 9x12) in trên giấy láng tốt bạn bạn muốn có đủ xin gửi mandat \$60 cho M Yên-Sơn, Kiosque, Thanh-Tao ở Vinh (ảnh sẽ gửi theo lối bảo đảm đến bạn cùng 1 lần với 2 quyển *Nhà Văn Hiện đại* của Vũ-ngọc-Phan).

Vấn-đề đọc sách ngày nay

Những độc-giả ngày nay thường đọc người chứ không phải đọc sách

(Tiếp theo và kết)

HIỆP-SƠN TU SĨ

Nay, tôi lại xin đan cử ra đây một tác phẩm của một vị khai-khoa thực-sĩ nước Nam nhà.

Đem một tác-phẩm đầu tiên của ông thực-sĩ ra đề phẩm bình, — mà tác-phẩm lại là tác-phẩm đã được quốc dân hoan nghênh, tán thưởng, phê bình (1); mà người p'ân bình, lại là kẻ vô danh tiểu tốt, — thì thật là một việc điên rồ, nhưng biết đâu, nhờ của người điên cũng có chỗ không điên vậy (2).

Quyển « *De Hanoi à la Cour-tine* » của ông Phạm-duy-Khiêm — Năm 1941, nhà xuất-bản Lê-Thăng xuất bản quyển « *De Hanoi à la Courline* » của ông Phạm duy Khiêm. Trong sách, theo thể viết thư, sưu tầm những bức thư của một vị thanh niên Nam-Việt sang tông chinh bên Pháp.

Văn tài của tác-giả thế nào, tôi không dám bàn ra đây.

Thiên tài của ông, thông minh của ông, khoa-mục của ông, địa-vị của ông đã làm cho ba chữ tên ông nổi dậy, cho nên dân nước ta ai ai cũng nhớ, cũng thuộc, cũng biết. Thế, dù tổ dân gian chú ý đến ông, tôn sùng ông, kỳ-vọng ở ông những gì.

Quyển sách đầu tiên của ông, sau khi du học về nước là quyển sách này. Quốc dân đua nhau mua đọc, không những đề được đọc một thiên văn chương kiệt-tác của

một nhà học-giả thiếu niên Nam-Việt, mà lại còn có ý đọc để biết, lòng có dịp khoe-khoang với người ngoại quốc rằng đồng-giống chúng ta cũng là người có thông minh, có trí tuệ, được học cũng có thể nên người, như những giống văn-minh trên hoàn vũ.

Văn-chương của một vị khai-khoa thực-sĩ tất là tuyệt-diệu, cái đó đã rõ ràng lắm. Tôi không dám thêm lời tán tụng đề lại mang tiếng « khen phò mã tốt áo », nhưng thực, thực áo của phò mã quả đẹp, thực văn của ông quả hay, nên độc-giả say mê quá về lời văn sán-lạn, giản dị, ý tứ thâm trầm cao sâu, mà không đề ý đến bốn chữ...

Thực, cả quyển sách, chỉ có bốn chữ, — bốn chữ thôi, — làm cho ai là người hay suy nghĩ, đọc lên cũng lấy làm ghen ngạo mà khờ nảo, bực tức mà thẹn thùng.

Bốn chữ đó, là bốn chữ « *À un annamite, Indochine* » (cho một người An-Nam ở Đông-Pháp).

Tôi không có vinh hạnh được đi du học bên Pháp, mà cũng không có hân-hạnh được theo học Pháp-văn đầy đủ, nên tôi không dám bàn đến cách hành-văn của ông huyền-dụ thế nào.

Có ông bạn tôi hỏi, giảng cho nghe rằng háy tác-giả dùng lối văn bèn ngầu, đối với bốn chữ « *à un français, Indochine* »

chăng? Tôi chưa dám hẳn cho là phải.

Vậy về văn-chương và văn-pháp, tôi xin nói thành thật không đủ tư-cách dám bàn đến, chỉ xin giải bày một vài ý kiến về ý nghĩa bốn chữ đó, mong được các nhà cao tài bác học trong nước chỉ bảo cho những chỗ dị đồng thì thật là vạn hạnh.

Theo ý-kiến hẹp hòi của tôi, bốn chữ « *À un annamite, Indochine* », đọc lên, thấy ghen ngạo mà khờ nảo, bực tức mà thẹn thùng thật.

Người ngoại-quốc viết như thế, đã là việc đương nhiên, cũng như ông viết bốn chữ « *à un français, Indochine* » không còn có gì phải nói. Nhưng, ông là người sinh ở Nam-việt, tất là người Việt-nam, dù ông không muốn nhận thì ba chữ tên ông cũng vẫn bắt ông phải nhận.

Đối với ông Phạm-duy-Khiêm, dân nước ai mà không phục tài năng ông, trí-tuệ ông, nhưng cái gì hay thì phục, cái gì không hay thì phẩm bình, như thế mới là thực lòng kính phục ông.

« *Ai nhi tri kỳ ác,*

Tăng nhi tri kỳ thiện »

(*Yêu mà biết chỗ xấu,*

Ghét mà biết chỗ tốt)

Thế mới thật là yêu vậy.

**

Trên tôi đã dẫn 2 quyền sách của hai nhà danh sĩ làm bằng Pháp-văn, nay xin dẫn một quyền của một văn-sĩ làm bằng quốc-văn.

Quyển « Thi-thoại » của ông Văn-Hạc —

Năm 1942, Quốc-học thư-sở xuất bản quyển « Thi-thoại » của ông Văn-Hạc. Sách chuyên nói về chuyện thơ, ghi chép những câu văn đặc-ý, những bài thơ thanh tao, kèm thêm ít nhiều nhờ bình phẩm.

Ông Văn-Hạc là một nhà văn tiếng tăm hàng bấy, thế mà trong quyển « Thi-thoại » của ông bên, cũng có chỗ nhầm. Nếu đọc-giả xem mà không rõ, cứ tin sách, tất có hại cho ngệ luật thi-ca của nước Nam nhà.

Chỗ nhầm đó ở trang 22, và trích ra đây để đọc-giả thưởng lãm :

«...Tập Kiều không đáng là việc của thi-gia cầm-chánh, song đó cũng là một lối chơi văn thú vị, một lối tiên khiển có ích, chứ không không.

Tôi còn nhớ bốn câu văn tập-Kiều đề bằng chữ nôm ở hai bên bức hình chụp các ông tân khoa khoa tài Nam kết cục (ất-mão, 1915), xem được ở nhà ông Giải-nguyên (Thủ-khoa) khoa ấy là ông Nguyễn Đảo. Bốn câu văn ấy thế này :

Vinh hoa bỏ lúc phong-trần
Mỗi người một vẻ mười phần
vẹn mười,

Hoa tàn mà lại thêm tươi,
Giăng tàn mà lại hơn mười rằm
xưa,

Tôi cho là hay lắm (vẫn nhờ ông Văn-Hạc) câu thứ nhất, nghĩa là sung sướng bỏ lúc học hành. — Câu thứ hai nói : đồ đủ tư cách, đủ phân điểm. — Câu thứ ba nói : văn chương tàn cục, vì là khoa thi rồi. — Câu thứ tư nói : 16 người đỗ, vì khoa rớt cục ấy, có tất cả 16 vị cử nhân tỉnh cả Thủ khoa .. « Hoi mười rằm » lúc là 16. »

Đọc xong trang sách, ta thấy ông Văn-Hạc chép bốn câu tập-Kiều đó hay lắm, nên mới ghi vào sách để lưu truyền.

Tôi chắc ông cho là hay,

1. Vì có lẽ ông không biết thể cách văn tập-Kiều ;

2. Vì văn Kiều là một áng văn kiệt-tác, nên ông hoảng không dám suy xét gì ;

3. Vì đề vào bức ảnh các vị tân khoa thi Nam, tất phải dùng bức đại gia văn-tự làm ra, nên ông lại càng sợ mà càng không dám nghĩ gì đến chữ nhầm ; cứ thấy, là cho rằng hay.

Mấy lẽ đó đã làm ông Văn-Hạc không thấy rõ cái sai, cái dở, cái không đúng ở trên trang sách ông viết.

Cái sai, cái dở, cái không đúng đó không phải tại tác giả bốn câu tập-Kiều ấy, chính là tại ông.

Tôi dám chắc, rằng ông chỉ được nghe ai đọc lại và kể chuyện lại, mà đọc và kể sai nhầm chữ thực ông không xem được, — như ông viết trong sách, — ở nhà ông Giải-nguyên Nguyễn-Tảo.

Ông nói xem được cho có vẻ « thực mục sở thị » để khoe với bà con rằng câu chuyện thực.

Tôi vốn là kẻ tu-sĩ ở xa thành-thị không được hân hạnh và vinh hạnh xem được bốn câu tập-Kiều ở nhà ông Giải-nguyên khoa kết cục, nhưng cứ lấy ý mà xét suy, lấy sách mà khảo cứu, thì tôi thấy rằng bốn câu văn đó, ông Văn-Hạc chép sai, và những lời dẫn bài đề tăng thêm câu chuyện đó lại càng sai ữa.

Vậy xin trình bày thiện ý đề các bạn yêu quốc văn đọc và xét kỹ.

Nói về thể văn tập-Kiều, tôi nhận thấy không rõ ràng dù gì ai câu lục, bắt liền nhau, phải chọn mỗi câu một nơi.

Thí-dụ như bài đề sau đây, của ông Thanh Động Nguyễn xuân-Đĩnh, tự đề sau khi làm xong quyển « Nhật Tân lược thảo » năm 1933 (5)

« Trăm năm trong cõi người là
Biết đâu rồi nữa, chẳng là
chuyện bao.

« Chiếm cha cái số hươu đi, ^{giỏi}
Ăn làm sao, nói làm sao bây

« Cùng nhau kẻ lẽ sau xưa, ^{giỏi}
« Ruột tâm đòi đoan như tờ ^{giỏi}
rồi bắt,

« Cùng nhau trông mặt cả cười,
« Mua vui cũng được một vài
trống canh, »

Xem bài trên, mỗi nơi một câu lục, một câu bát, không bao giờ cả hai câu lục bát liền nhau như bài tập-Kiều của ông Văn-Hạc chép, lên lên có 4 câu mà đã 2 câu lục bát.

« Hoa tàn mà lại thêm tươi,
« Trăng tàn mà lại hơn mười ^{giỏi}
rằm xưa (6)

Lại, nếu là bài văn đề ảnh, thì trong bốn câu tất phải nơi phút qua vào bức ảnh, mới là đúng phép.

(Xem tiếp trang 44)

LẠI MỘT BÀI THƠ CỦA ĐỒ CHIỀU

LÊ THỌ-XUÂN

Trong Trí-Tân số 130, ông Nê-Uy có đánh một dấu ngoặc về bài thơ hoặc của Nguyễn-dinh-Chiều hoặc của Phạm-như-Xương. Ông Nê Uy lại các cơ kêu ông Phan-văn-Hùm : « Tôi mà hỏi Ông Phan-văn-Hùm đã lên tiếng trong Trí-Tân số 135 : ông tin rằng bài thơ ấy là của Đồ-Chiều, bằng vào lời của ông Nguyễn liên Phong và của ông Nguyễn-dinh Chiêm.

Đối với van ông Nguyễn liên-Phong mà ông Hùm đem cân nhắc từng chữ thì kỹ thái quá. Đã thơ bịnh mà ông Phong dùng — theo tôi nghĩ — càng qua đề chứng bài thơ kia « ản » với sự mù lòa, nên dưới thêm tám câu đều là thuật chuyện con mắt mình không thấy.

Vốn người ở vùng Ba-tri, tôi thường nghe nói ông Phong có đến đây nhiều lần, có tới lui nhiều nhà đề lo cho quyền « Điều cớ » mà như là lo cho phần « Hạ-kim » (1). Ông lại còn làm nào-dộng vùng Ba-tri vì bồn tuồng « Thiên-dinh đời ản » của ông nữa Ông tả cụ Đồ « tình-trạng như nhà » cũng như ông Michel Ponchon đã tả « cụ Đồ là một ông già cao-lớn đẹp-dẽ, gương mặt trầm-tĩnh xanh-xao đầy vẻ « cao-nhã » (1). Chắc hẳn là ông Phong có gặp cụ Nguyễn-dinh-Chiều và được cụ cho nghe tận tai bài thơ « Xe ngựa lao-xao giữa cõi trần » mà ta đương bàn bạc.

Ta có thể nghi cụ Nguyễn-dinh-Chiều « cốp » bài thơ kia của cụ Phạm-như-Xương chăng?

Có mấy người, vì chỉ nghe truyền khẩu bài của ông Phan-Khôi trong « Chương-dân thi thoại » tỏ với tôi rằng họ ngờ cụ N. đ.-Chiều lấy ý bài thơ ấy của cụ P. n.-Xương trong lúc ở ở ông bịnh tại Quảng-nam.

Không ! Tôi đã đáp « không » với mấy người này và đem ngày giờ làm chứng : cụ N. đ.-Chiều ngụ nhiều ngày tại nhà ông thầy thuốc Trung ở Quảng-nam trong năm kỷ Dậu (1849), cái năm cụ P. n.-Xương mới sáu tuổi đầu. (Ông Hoàng-giáp này, sanh năm giáp-thìn (1844), đứng thứ 22 trong 31 người cử nhưn tại trường Thừa-thiền khoa mậu-thìn (ân-khoa) tức năm Tự-dức 21 (1868), được đỗ nhĩ-giáp tân-sĩ năm Tự-dức 28 là nhờ đạo sắc gia ân cho thứ trúng cách cử-nhơn (dĩ mà kém quán diêm) nhập Đìn-thí vì số cử-nhơn trúng-cách ít quá, dầu rằng tháng mười nam trước (Tự-dức 27), nhà vua đã dạy chấn-chỉnh việc thi việc học sau khi Ngai than với bộ Lễ : « Ngay rước, mỗi khoa nhiều thí trên 10 tân-sĩ, ít cũng 7. 8 người ; ngay nay cứ sụt xuống mãi, có khoa chỉ 3, 4 người dẫu mà học-nguệp lại không được như xưa. Trong khoa Mậu-mạng, hạng túc-nô yêm-bac rất nhiều như bọn Tô-Trần, Đỗ Quang (2) ; cọng gần đây,

hạng nông-nồi thì nhiều mà hạng yêm-bac lại ít ! »

Có mấy người tin ông Vũ-ngọc-Phan, tác-giả « Thi-sĩ Trung Nam », tập mà ở đoạn chốt, (trang 88), ông viết : « Tập này chỉ là một tập lược-khảo, một tập nói chuyện qua về thơ của các thi sĩ ấy mà đặt sự cùng thi vào đến nay chưa có sách báo nào sao lục cả », dầu rằng ông đã rút trong các sách báo đến chín phần mười tài liệu (lời ông Nê Uy) (3). Cứ theo ông Vũ ngọc Phan thì « bài thơ trên này » « Xe ngựa lao-sao giữa cõi trần », ông Phan-Khôi đã chép « Vọng - vọng nghênh-ngang giữa cõi trần » và tác-giả « Thi-sĩ Trung Nam » xét ra bài thơ trên này có lẽ là của ông Phạm-như-Xương làm năm 1885, lúc kinh-dô thất thủ, phân rõ ra ba kỳ, chế-độ khác nhau, nên mới có mấy chữ « đất tam phần ».

Tôi xin ra ngoài đề mà nhắc ông Vũ-ngọc-Phan rằng « đất tam phần » mà ông nói đây là theo hòa-ước 25 Aout 1883, hòa-ước 27 khoản, hòa-ước ở vào khoảng « tứ nguyệt tam vương » (4) (mà ông chép ra « lục nguyệt tam vương » ở trang 17), hòa-ước thay thế bởi hòa-ước 6 Juin 1884 mà ta quen gọi là hòa-ước Patenôtre chứ không phải sau lúc kinh thành thất thủ (5), lúc vua Hàm-Nghị xuất bôn và vua Đồng-Khánh lên ngôi cửu-ngũ.

Nhắc đến đoạn sử này, tôi xin thuật chuyện một câu hát. Trong một năm nọ, trên một tháng trường, tôi và một người bạn khi đi dạo non khi lội suối đi khắp tỉnh Bình-dịnh, ngày thường ăn ở quán, đêm thường ngủ ở chùa, đi tìm dấu vết còn sót lại của chúa Nguyễn-phúc-Anh và của nhà Tây sơn. Một bữa nọ, vào khoảng 12 giờ trưa, sau khi đi bộ ngót 15 cây số, chúng tôi vào một cái quán về làng Vân-sơn để uống to nước trà và để trốn nắng, cái nắng ghê-gớm của tháng bảy ta. Người bạn tôi bỗng gặp một người quen làm chức việc lớn ở làng đó. Chúng tôi được mời về nhà. Chúng tôi may mắn được ông thân của đông đạo-chủ — một cố lão 84 tuổi — hỏi tôi về ông tổng-dốc Lộc, người lãnh việc chinh-phạt Mai-xuân-Thượng đương buổi Hàm-nghi mòng-trần. Cụ là học-trò ông Nghè Trì, cụ làm Lý-trưởng trong thời loạn lạc ấy. Cụ thuật qua những việc về thời đó; cụ nói từ vùng kinh-dô là được yên-ôn với tàn-quân là vua Đồng-khánh, còn ngoài từ Quảng-trị trở ra, trong từ Quảng-nam trở vào đều hưởng-ứng theo đạo lịch của vương của Tôn-thất-Thuyết. Cụ lại nói người hồi này định câu chữ Hán « Lưu lạc thuyết thêm sâu » rồi thêm tám chữ dưới thành một câu hát. Cụ nhìn ra phía trước, tôi cũng nhìn theo. Xa xa, vùng Đồ-bàn phết-thành, kinh-tô của Hoan-vương nước Chăm, hiện rõ trước mắt. Cụ bỗng cất tiếng ngâm, ngâm bằng giọng run-run và hách-thét:

*Thôi thôi chớ nói thêm rầu,
Chinh giữa Đồng-khánh, hai
đầu Hàm-nghi!*

Vậy « đất tam phần » của cụ Nguyễn-dinh Chầu ai ông lui vào năm ất-dậu (1885) mà chỉ chung vào lúc loạn lạc như thời Tam-quốc, như thời Ngũ-quê.

Có người nói cụ dùng câu ấy để ví mình như Gia-cát-Lượng trong thời loạn, vì cụ có làm mưu-sĩ cho Quân Lã ở Cần-giục và Lãnh binh Trương-dịnh ở Gò-công.

Có người lại khó tánh, không bằng lòng cụ ở câu 7 « có lý-dinh chi nữa, ăn rồi ngủ ». Người này rất bằng lòng câu « Thôi thôi đã thế thôi thì thế », gần giống câu 7 theo ông Phan-Khôi đã chép. Người này sẽ hết khó tánh nếu được nghe bài thơ xưa khen Lý-Ung đời Đồng-Hàn, mở đầu bằng hai câu:

*« Phù thế công danh thực dữ
miễn,*

*« Lý Ung chơn đặc thủy-trung-
tiên.*

(Xem tiếp trang 16)

1) « Cuộc hội kiến Nguyễn-dinh-Chầu và Michel Ponchon » *Khuông-Việt trong « Nam-kỳ tuần báo »* số đặc biệt về N.Đ. Chầu (6 Juin 1943)

2) Lãnh Gia đình Tuấn phủ trong khoảng 1861 (*Namkỳ tuần báo*, (26 6 43, trang 40) *Coi « Hương-khoa - lục », « Hoi khoa lục » và « Thực lục đệ-lư kỷ »*)

3) Đây là chữ nói bao nhiêu chữ ở 19 P. an chép sai nguyên văn bao nhiêu đặt sự ông P. an thuật sai sự thực

4) Ngày 16 tháng 6 năm quí-mùi (1883), vua Tự đức thất hạ, vua Hiệp-hòa nổi ngôi rồi bị giết và ngày mồng 7 tháng 10 năm này, vua Kiến phúc lên trị vì thế là không đầy bốn tháng mà có đến ba vua : Tự đức, Hiệp hòa, Kiến phúc.

5) *Coi Amis Vieux Huế « số 1, năm 1942 bản dịch » Về Kinh thành thất thủ!*

Đã in xong

QUANG TRUNG

(1788 — 1792)

của HOA BẢNG

là một tác phẩm rất công phu mà tác-giả đã khảo cứu tài liệu ở hơn 50 loại sách, báo.

QUANG-TRUNG

Có nhiều tài-liệu về lịch-sử Quang-Trung ít ai nói đến.

QUANG-TRUNG

có nhiều bức vẽ của mấy tay danh họa.

QUANG-TRUNG

Giá : 5\$00

Cước phí : 0,50

chỉ in tờ hạn và không gửi lĩnh hĩa giao ngân. Ngại nao mua, xin gửi ngay ngân phiếu về

Ô. Nguyễn tường Phụng
95 97 Lhanceaulme Hanoi

VĂN - ĐỀ ĐỌC SÁCH

(Tiếp theo trang 7)

Theo chỗ tôi biết, thì bốn câu tập Kiều đó như sau:

« Vinh hoa bõ lúc phong trần,
« Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.

« Mặt nhìn mặt càng thêm tươi
« Giăng-tàn mà lại hơn mười rằm xưa ».

Bài văn đó hay thật, chỉ có bốn câu mà đủ được cả ý; mà đặc ý nhất là đề tặng ảnh một ông Thủ-khoa thi tào-cự, chứ nếu đề vào người đỗ khoa khác cũng mất hay.

Vì câu thứ nhất: *Vinh hoa bõ lúc phong trần*» Phong trần là lúc kờ học, vinh hoa là lúc đỗ.

Câu thứ hai: *Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười*» — mỗi người một vẻ, là những sĩ-tử nhiều điểm đỗ trên, ít điểm đỗ dưới, còn ông thủ khoa tức là mười phân vẹn mười hoàn toàn 10 điểm.

Câu thứ ba: *Mặt nhìn mặt càng thêm tươi*» — Từ nói về hình-ảnh, càng ngắm càng đẹp.

Câu thứ tư: *Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa*» — là văn chương khoa cử đến lúc tào-cự, mà còn cố học đỗ được đến giải nguyên; chứ không như ông Văn Hạc, đã găng trong sách *Thi thoai* của ông là khoa át-mão (1915) tức là khoa kết, cụ thể có 16 ông cử nhân tính cả thủ khoa.

Theo sách *Quốc-triều Hương khoa lục* thì khoa át-mão (1915) chính quan trường chỉ lấy đỗ 30 cử-nhân, 100 ú-tại hương và là khoa kết-cụ, nên Văn Trừ đi h lấy thêm 10 cử-nhân và 30 ú-tại xưa, tức là khoa đó đỗ tất cả 40 cử-nhân và 130 ú-tại.

Vì khoa ấy lấy đỗ 40 cử-nhân, riêng tỉnh Hà-dông có tới 19 vị, nên các văn thân trong tỉnh mở tiệc mừng và chụp ảnh kỷ-niệm. Ấy là tôi tìm hỏi thì hay thế, không rõ có đúng không. Còn bài văn đó ai làm cũng không biết rõ.

Giá có hân hạnh xem được ở nhà ông Giải-nguyên, như ông Văn Hạc, thì xem lại khoản, tất may ra cũng có đề.

Ấy cái thành kiến cố chấp của nhiều bạn yêu văn cũng như ông Văn-Hạc đó.

Xem văn, đọc sách mà không có xét nhận, cứ nô lệ bài văn quyền sách, hoặc yên chí tác-giả là một nhà thi bá đại danh mà cho là hay, hoặc khinh thị tác-giả là một nhà vô danh tiểu tốt mà cho là dở, như vậy là thiếu óc kiểm-điểm.

Nói ngay như bài « Phú tầy Phan » của ông Tú Mỡ, đăng ở báo *Nam-Phong*. Bài văn rất hay, nhưng khi ấy ông Tú Mỡ, văn danh chưa có, lại còn là một viên chức thanh-niên ở sở Tài-chính, nên nhiều người cho là của ông Tú Xương — một nhà danh nho — không cần tế nhận trong bài đó có nhiều cái mà ở thời đại ông Tú Xương không có (7).

Nhiều bạn yêu văn thường có óc câu nệ như thế, không chịu nhận xét rằng một người, xưa nay có tiếng làm văn hay, cũng có lúc làm ra dở.

Như ông thi-sĩ Tản-Đà, năm 1923, có làm ra quyển *Truyện thế gian*, Trong có truyện « Thề non nước » có bài thơ lục bát đề từ tranh « Thề non nước » — bức tranh chỉ có một dãy

núi, chân núi có một ngàn dâu — trong bài có hai câu: « Non cao những ngóng cùng trông,

Suối tuôn giòng lệ, chờ mong tháng ngày ».

Từ năm 1923, Thi-sĩ thường tự riêng lấy làm hay, đến cuối năm 1932, chợt có người bạn nói chuyện đến tại nhà ở Hải-dương có một ông giáo chế câu ấy và bảo bốn chữ « Suối tuôn giòng lệ » thực trái với toàn bài, nếu vậy như thế thì sao bảo là chỉ có núi mà không có nước.

Thi-sĩ nghe gật mình, nghĩ kỹ mới biết câu đó hỏng thật, sau mới chữa là « suối khó giòng lệ ». Từ đây những bản in sau năm 1933, mới sửa lại là :

« Non cao những ngóng cùng trông,
Suối khó giòng lệ, chờ mong tháng ngày ».

Nghĩ một câu văn làm ra bởi một nhà thi sĩ trữ danh, ngâm đi đọc lại đến mười năm rồi mới biết là nhầm. Đó chẳng là một sự không ngờ vậy ?

Lại cũng có người ít làm văn, không mấy ai biết tiếng, có những bài văn rất hay. Như ông Tham Toàn làm bài thơ « Mãng bồ đề » dưới đây. (8)

Ao mũ xanh-xang đứng vệ bờ,
Ngày qua tháng lại lịch gì chưa ?

Trông máy chữa chút lo vì nước ;

Gặp gió ra chi phất rợn cờ ?
Học đã chẳng hay, cây chẳng biết,

Hỏi còn không nói, gọi không thừa

Đồng khó, ruộng cạn mà trắng-
tráo.

Cái kiếp nhà bay, kiếp giữ dĩa!

Sơ với bài thơ, vịnh Bồ-dìn của
vua Lê Thánh-Tôn :

Quyền trọng ra oai trấn cõi bờ,

Một lòng vì nước, há vì dĩa?

Xét soi trước mặt đời vừng
ngọc,

Vùng vẫy trên tay một lá cờ.

Đẹp giống chim muông xa
phải lánh,

Rẻ quán cây quốc, gọi không
thừa.

Mặc ai xô đẩy trường danh
lợi,

Ơn nước đầm đìa hạt móc
mưa.

Có lẽ khó mà phân hơn kém.

Lại nữa, cũng có người suốt
đời chỉ làm được một bài hay,
truyền tụng ở đời, còn thì sáng
và

Như ông Rouget de Lisle (9)
cả đời chỉ làm được một bài
« Marseillaise » không làm được
bài nào đáng đề ý nữa.

Còn nên, xem văn đọc sách, ta
cần phải nhận xét, chớ có hăm hồ
tin người hay tin sách được.

Ba quyển sách tôi nói trên đây,
đều là những tác-phẩm đã xuất
bản ba bốn năm mà chưa thấy ai
phần bình đến những điều tôi
đã trình bày ra đó (10), như vậy,
đủ rõ cách đọc sách ngày nay của
chúng ta kém cỡ nhân ở chỗ
tiểu kiểm-diêm và nhận-xét.

Trước khi chấm hết bài này,
tôi xin có mấy lời thưa cùng trước-
giả ba tác-phẩm tôi đã đem ra
đẫn chứng.

Sở dĩ, tôi phải dẫn ra một vài
thí-dụ như trên, thực không có ý
gì xoi-mỏi chê bai, chầy chểnh
chểnh phát biểu một vài ý kiến về sự
đọc sách ngày nay. Vì thế, tôi chỉ
dẫn ra những sách xài bừa lâu
rồi, để tránh sự dị-nghị.

Còn nhân có nói : « Đọc thư vì
yếu yếu tri thư ? (đọc sách vì
cần, nhưng phải cần biết sách).
Biết sách hay hay dở, lại biết trong
sách chỗ nào hay, chỗ nào dở,
thực là một sự tối cần.

Tôi xin lấy câu đó để kết thúc
bài này, và mong được các nhà
học giả trong nước giảng cho
những chỗ ý kiến dị-đồng, để được
rộng biết, thì thực bần-bạ lắm.

HIỆP-SƠN TU-SĨ

1) Nghĩa là lẽ giới, đạo người,
một người đàn bà giữ được.

Câu này là câu thứ tám (câu kết) ở
một bài thơ bát cú theo « Hịch Lê Tiết
nghĩa » vị h Bà Phan thị Thuần,
không rõ tác giả là ai Theo « Tang
Thương ngẫu lục » lại chưa có hai
câu 7, 8, nói là của quan huân-đạo
An nhân lên là Hà-sách-Hiền làm
vị th bà lệ phụ Đoàn Phan nhân, vợ
thứ ông Ngô Phúc Du. Vậy cũng
chưa rõ bài thơ này về ai

2) Tri lân số 36 25-2 42 trang 10.

3) Người đến nước Sở tên là
Tiếp-Dư đi qua x. đức Khổng-lữ
hát, có ý khuyên ngài đi ẩn. Ngài
xaông xe, muốn cùng Tiếp Dư nói
chuyện, nhưng Tiếp Dư đảo bước
tránh (Luận ngữ, thiên Vi-lữ)

4) Ấu học Hán tự lần thứ q. I

5) Đông-Á triết ngôn, của Nguyễn
Đ. Luận trang 143.

6) Còn văn có câu : « Bất tài minh
chủ khi đa bệnh cổ nhân sơ »
Nghĩa : không tài, chủ bỏ, nhiều
bệnh bạn xa, gần đây, có một nhà
chí sĩ về già nhiều tật bệnh, thường
hay ngẫm.

Bất tài, xã hội khi !

Đa hệnh, đồng bào sơ !

Nghĩa : không tài, xã hội bỏ,
nhiều bệnh, đồng bào xa !

7) Hạt lân lược thảo, là một tập
văn nói một chương trình đại đồng,
cải lương, in năm 1933

8) Truận Kiều, bản của ông Ng.
Văn Vĩnh in năm 1923, trang 172

Tr. K., bản của ô Bùi Kỳ Trần
trọng Kim trang 237

Tr. K., bản của ô Bùi Khánh Diên
trang 241

Tr. K., bản của ô Ng Khắc Hữu
trang 210

Tr. K. bản của ô Ng. Can Mộng
trang 128

9 « Cuộc Phóng Văn các nhà
Văn » của Lê Thanh, đời mới xuất
bản, trang 142

10) Annam tạp-chí số 3 1933, mục
« Văn-đàn ».

11) Rouget de Lisle (1760 1836)
quan võ Về cơ Công binh (officier de
généie) sinh ở quận Lons le Saunier
bên Pháp.

12) Mới đây, tôi có nói chuyện
với một ông bạn về bài « L'ingénit
euse amilié » của ông Nguyễn Phan-
Long ; ông bạn tôi có cho hay rằng
qua một người đã nhận thấy chỗ
nhầm đó có nói chuyện đời ông
giáo-sư Dương Quảng Hàm Nghe
đầu Dương giáo sư có đang vào
một tờ báo nhỏ nào bằng lối chữ
quốc-ngữ bỏ dấu về việc nhà nấy.
Vì thế nên nhiều người không biết.
Lại nghe đầu, về sau báo Phong
Hoá cũng có nhắc việc đó nữa.

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p. 0 một vé

GIỚI THIỆU

Tri-Tân vừa nhận được :

— **Hương chai văn tập** cuốn thứ 2 của **Phạm Quỳnh** do thư xã **Alexandre de Rhodes** xuất bản giá 5 \$ 00 Có nhiều bài lựa chọn kỹ đã viết từ năm 1918 và 1919. Sách in đẹp và sáng sủa — một cuốn sách quý đáng được mọi người hoan nghênh.

— **Quốc gia t p chí** phần người lớn (I) ra ngày 25 4 1944 giá 2 \$ 50 do ông **Lê Ngọc Thiệu** làm chủ nhiệm và ông **Song Bỉnh Bể** làm chủ bút kiêm quản lý.

— **Lục văn Tiê** bản dịch ra pháp văn của giáo sư **Dương Quảng Hàm** — **Alexandre de Rhodes** xuất bản — bản quý giá 10 \$ 00

— **Bong tre xanh của Kỳ Lâm Đỗ Thúc** (Vừa được phần thưởng Thư xã Đắc Lộ), xã hội tiểu thuyết do thư xã Đắc Lộ xuất bản — giá bán : giấy thường 1 \$ 50 Đại la 6 \$

— **Một tú tẩn tiểu thuyết của Chu Thiên** do Tam Kỳ Thư xã xuất bản, sách ngót 200 trang, giá bán 2 \$ 50

— **Chết trong xã hội sống** tiểu thuyết của **Lê Văn Trương** do Đời mới xuất bản, giấy học 200 trang giá bán 3 \$ 50

— **Tâm lý và tư tưởng Nguyễn Trữ** của **Nguyễn Bạch Khoa** — do Hàn Thuyên xuất bản giá 6 \$ 00

— **Kinh lý học phổ thông của Ng. hất An** — Hàn Thuyên xuất bản giá 3 \$ 50

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu cùng các bạn đọc

Tri-Tân

HỘP THƯ

Đ. Ng. L. Họa — Đã nhận được giáo dục tiểu thuyết N. N. L. L. cảm ơn.

Ô. V. Hùng — Biên Hòa Tiền Giang đúng như thơ ngài từ **Fevrier 1944** chưa trả — xin lỗi

Ô. Trần-ch. guyen — Gia Định — nhận được mandat rồi cam, ơn.

Vũ Văn Nhoà — 9 Marchaise Saigon — Bao ngài hết hạn từ 31 5-1944

Ô. Frinh Quang — Saigon — Nhận được mandat của Ngài rồi Cảm ơn.

Các bạn đón coi

AN TU

của **Nguyễn Huy Tưởng**

và các bạn sẽ không thẹn về lịch sử, về lịch sử tiểu thuyết và về tiểu thuyết nước nhà.

Thơ của Đỗ Chiêu

(Tiếp theo trang 13)

Trở lại vấn đề bài thơ này phải chăng của cụ Nguyễn-dinh-Chiêu?

Ông Nê-Uỷ bảo chẳng qua cũng bởi nghe truyền miệng. Ông Phan-văn-Hùm bảo phần nhiều thứ-giả ở Nam-kỳ trivien khải, rồi ông dựng thêm hai chứng-cớ: một trong quyển « **Điều cớ hạ kim** » của ông Nguyễn-lê-Puông, người có gặp cụ đồ, một trong tập sao-lục của ông Nguyễn-dinh-Chiêu, con cụ Đồ. Ông còn bảo bao giờ hai cái chứng cớ đó bị lật đổ thành chứng cớ giả vì có chứng-cớ nào chắc-chắn hơn thì ông sẽ cúi đầu bài thiện-ngôn mà nin lặng như cô lần ông đã nin lặng trước bài thơ mà ông cho là của cụ Tuân khoa Bùi-hữu-Ngĩa nhưng ông Ung-Dur đã chỉ cho là của cụ Bó-chánh Trà-quí-Bình (6).

Đây, tôi không đánh đổ hai chứng-cớ của ông, mà trái lại, tôi thêm một chứng-cớ khác để làm thành « cái vạc ba chơn » cho bài thơ ấy.

Ai còn không rõ tại đất Trung-nguyên, trong thời Tân Đ rợ, hết loạn Hoàng-Sào, đến loạn Châu-Ôn, rồi đến loạn Thạch-kính-Đường hết kẻ này xưng vương thì người kia

xưng đế, hơn-dân đến-bái, gần một trăm năm.

Còn nữa)
LÊ THỌ-XUÂN

6) Cụ Trà-quí-Bình là người Kỳ-son (Tân an), chỗ chôn nhau cắt rốn của cụ Kỳ-xuyến Nguyễn Thông người đã cùng cụ Phan thanh-Giản, gây dựng cho Nam-kỳ một nho phong thuần túy bồi bổ cho Nam-kỳ một kho tàng văn chương Văn-thi của cụ Trà và cụ Nguyễn còn lưu lại rất nhiều ở vùng Bình-thuận, Tôi được biết về hai cụ này nhờ một tài-liệu mà bạn Ngọc Xuyên đã sưu tập được.

Đã có bản về dịp Tết :

NỬA ĐÊM

Truyện thôn-quê

của Nam-Cao giá 2 \$ 00

Nam Cao là một nhà văn chuyên tả phong tục thôn quê Việt Nam, với một ngòi bút mạnh thép. Nếu các bạn muốn hiểu người dân quê Việt Nam một cách sâu-sắc, nếu các bạn muốn có những kiến thức rất thực về thôn-quê Việt Nam; rồi tóm lại, nếu các bạn muốn hiểu đồng bào một cách chu đáo, các bạn đều nên có cuốn **Nửa đêm của Nam-Cao**.

VUI XUÂN

Tức Hoa Mai số Tết

của Ngô-Hòa giá 0 \$ 50

Phách bướm hồn hoa

Tức Hoa-Mai số Mưa Xuân

của Thế-Hưng giá 0 \$ 30

Nhà xuất-bản **Cộng-Lực**

N. 9 Rue Takou — Hanoi

BIA VĂN-MIÊU

NHỮNG ÔNG NGHỆ TRIỀU LÊ

Số 80

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỔ

Khoa kỷ mùi 1499 có 28 ông đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất-thân:

1. — **Trần-bá-Lương**, người làng Lê-xá, huyện Nghi-dương, tỉnh Hải-dương. Làm quan đến Đồng-các hiệu thư *Đặng khoa lục*, q. 1, tờ 48 b). (*Đặng khoa bị khảo* (bản sao của Trương Bắc-cổ, quyển Hải-dương, tờ 86 a) chép nhầm là Nguyễn-bá-Lương. Năm giáp tí 1504 phụng mệnh đi sứ. *Khâm-định Việt-sử* (q. 25, tờ 17 a-b) chép « mấy tháng trước vua Lê Túc-tông lên ngôi, sai Lại-bộ tả-thị-lang là Đặng Tán, Hàn-lâm-viện kiêm thảo là Khuất-quỳnh-Cử, Hộ-khoa cấp-sự-trung là Lưu-quang-Phụ sang Tàu về việc tuế-cống. Bnh bộ hữu-thị-lang là Nguyễn-Lân và Giám sát ngự-sử là Nguyễn-kính-Nghiêm, sang cáo tang vua Lê Hiến-tông (1497-1504). Lê bộ hữu-thị-lang là Nguyễn-bảo-Khuê Đồng-các hiệu-thư là Trần-bá-Lương, hiệu lý là Vũ-Châu sang xin phong, chưa kịp qua cửa ải, đến tháng 12, năm Thái-trinh 1504 đổi bêu văn sai bọn Nguyễn-văn-Khuê đi ».

2. — **Đinh Thuận**, người làng An-dương, huyện Tây-lân (Tây-quan), phủ Đoan-hung, tỉnh Sơn-tây. Năm đinh-mão 1507, đang làm lạc-thảo, sung chức phó-sứ sang nhà Minh mừng vua Tàu lên ngôi. Làm quan đến thượng-thư, tước Bình-lễ-bá. Sinh ra Đinh-Sơn-đỗ nhị-giáp khoa 1538 (*Đặng*

khoa lục, q. 1, tờ 48 b, *Đặng khoa bị khảo*, q. Sơn tây, tờ 80 b)

3. — **Lê ý**, người làng Thần-đầu, huyện Kỳ-hoa, tỉnh Nghệ-an. Năm 46 tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa 1499. Làm quan đến chức thị chế, coi việc viện Hàn-lâm, kê n đề lĩnh bốn thành, tước Bạng-quận-công. Sau mất, được phong phúc-thần. Là em Lê-quảng-Chi, đỗ thám hoa năm 1478 anh em cùng đỗ đại-khoa, sĩ hoạn cùng triều (*Đặng khoa lục*, q. 1, tờ 48 b *Đặng khoa bị khảo*, q. Nghệ-an, tờ 51 a).

4. — **Nguyễn-Tử**, người làng Bình-hồ, huyện Đông-an, phủ Khoái-châu, trấn Sơn-nam. Làm quan đến giám-sát ngự-sử (*Đặng khoa lục*, q. 1, tờ 49 a). *Đặng khoa bị khảo* (q. Sơn-nam, tờ 62 a) chép « có chỗ nói ông làm đến thượng-thư ».

5. — **Khuất-quỳnh-Cử**, người làng Lôi-trạch, huyện Thạch-thất, tỉnh Sơn-tây. Năm 26 tuổi đỗ tam giáp khoa 1499 (*Đặng khoa bị khảo*, q. Sơn-tây tờ 33 b, chép năm 24 tuổi). Mùa đông năm giáp tí 1504, đang làm kiêm thảo, sung chức phó-sứ sang nhà Minh tuế-cống (*Đặng khoa lục*, q. 1, tờ 49 a, chép hai lần phụng mệnh đi sứ). Làm quan đến Lễ bộ thượng-thư, tước Thuần-khê bá. Sau theo Mạc, được phong tước hầu.

6. — **Nguyễn-xuân-Nham**, người làng Hạ-an-quyết, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây,

Làm quan đến thừa-chánh-sứ. Là cháu gọi Nguyễn-như-Uyên bằng chú. Uyên đỗ nhị giáp khoa 1469, (*Đặng khoa lục*, q. 1, tờ 49 a; *Đặng khoa bị khảo*, q. Sơn tây, tờ 4 b).

7. — **Đặng-tảo-Giám**, người làng Phượng-tường, huyện Tiêm-lữ, phủ Khoái-châu, trấn Sơn-nam. Năm 36 tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa 1499. Làm quan đến tự-khanh (*Đặng khoa lục*, q. 1, tờ 49 a; *Đặng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 68 b).

8. — **Lê-tân-Tiện**, người làng Thượng-cốc, huyện Lôi-dương, phủ Thiệu-hóa, tỉnh Thanh-hóa. Năm 23 tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa 1499. Làm quan đến Hình-bộ thượng-thư, tít sĩ. Là anh Lê-tân-Toang, đỗ nhị giáp khoa 1499, hai anh em cùng khoa, cũng làm quan đến thượng-thư. Là ông họ Lê trạ-Tú, đỗ chố khoa nhị giáp đệ nhĩ sĩ danh khoa 1577 (*Đặng khoa bị khảo*, q. Thanh-hóa, tờ 20 a).

9. — **Trần-nghĩa-Lộ**, người làng Bái-bá, huyện Thuần-lực (Thuần-lộc, Vĩnh lộc), phủ Hà-trung, tỉnh Thanh-hóa. Năm 22 tuổi đỗ tam-giáp khoa 1499. Làm quan đến tự-khanh (*Đặng khoa lục*, q. 1, tờ 49 a; *Đặng khoa bị khảo*, q. Thanh-hóa, tờ 37 a).

10. — **Nguyễn-hùng-Lãm**, người làng Quế-trĩ, huyện Qố-dương, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Làm quan đến thừa-tuyên-sứ (*Đặng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 12 a b).

11. — **Lê-đĩnh-Chi**, người làng Lạc-sơn, huyện Lập-thạch, tỉnh Sơn-tây, Năm 32 tuổi đỗ đồng (Xem tiếp trang 20)

VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

(1900-1940)

Số 3

LÊ-THANH

Mà được như thế, là nhờ ở chỗ bộ-plận nào làm việc nào ở chỗ nào và trong thời gian nào, phải làm y như thế để giữ lấy hai điều kiện cốt yếu cho toàn máy: sự thứ-tự và sự điều hoà. Thiếu hai điều kiện sau này bộ máy sẽ ngừng ngay.

Vậy ta còn nhìn thấy Tạo-hóa sinh tồn tức là hai điều kiện ấy đây còn.

Người là một phần tử của Tạo-hóa, cái đời sống của nó cũng phải theo cái luật thứ-tự và cái lẽ điều-hòa của Tạo-hóa. Cái luật của Tạo-hóa là sinh và tử, người cũng sinh và tử.

Nhưng người là một phần tử, có ý thức trong bộ máy huyền vi nói trên. Vì có ý thức nên trong cái đời sống tinh-thần của nó, có khi nó không theo cái luật thứ-tự và cái lẽ điều-hòa của Tạo-hóa. Nó đã làm mất cái tinh-thần khúc-triết của Tạo-hóa.

Cái trường-hợp người Đông-phương trong sự sáng-tác văn-hóa của họ, lấy thí dụ văn học Trung-hoa:

Theo *Trung-quốc văn học sử* của Vương-mộng-Tăng (1) thì « từ lúc chữ Tàu phôi thai đến đời Hoàng-đế, người Tàu mới đem văn thề chia làm ba loại:

- 1) thề văn lý-niệm,
- 2) thề văn thể bản,
- 2) thề văn kinh thư,

« Lại từ đời vua Nghiêu mới phát nhận ra *văn vần*, từ nhà Hạ

mới phát nguyên ra *văn lý luận* (như triết học kinh Dịch), sách Châu-lễ thì khởi thủy ra văn điền-chế, kinh Xuân-thu và sách tả-truyện thì nêu ra lối *văn ký tài tiền bộ*, cho mãi đến bách-gia chư-tử mới có *văn học nhà nho*. Sau khi có Khổng-tử, Hoa-văn chia ra bốn loại lớn:

1) *Văn học về phái Đạo-gia* (Lão-tử, Liệt-tử, Trang-tử, Tuân-tử, Mạnh-tử...) (2).

2) *Văn học về phái Pháp gia* (Quản Trọng, Thân - Bất - Hại, Thương Ưởng, Hàn Phi).

3) *Văn học về phái Tung-hoành gia* (Quỉ cốc, Tô-Tần, Trương-Nghi, Mao-Thọ).

4) *Văn học về phái Binh-gia* (Tôn-tử, Lã-lâm)...»

Theo như cách chia của Vương, ta nhận thấy văn Trung-hoa thiếu hẳn tinh thần khúc-triết, « vì họ không theo cái bản sắc của từng văn thề mà chia ra môn loại, họ lại đi theo cái duy danh định-nghĩa (3) của nó mà chia ». Chia như vậy có cái bất lợi là văn của Tuân-tử là phái Đạo-gia (?), thì văn của Hàn-Phi phái Pháp-gia, đọc lên nghe cũng một giọng, vì cái bản sắc của nó là một. Thành ra tuy họ đã chia loại rồi, nhưng cái rừng văn-học vẫn là cái mớ rối bưng, tìm thứ tự và thống-hệ không thấy đâu cả.

Đem so với Pháp-văn, thì thấy người ta chia từng thế-kỷ, phần

thế-kỷ trong ấy lấy bản-sắc của văn-chương làm chuẩn đích. Thế kỷ thứ 17 có văn cổ điển, 18 có văn cách-mệnh, 19 có văn lãng-mạn, văn tả chân, văn văn... Cho nào, cũng thấy cái thứ tự và thống hệ, nghĩa là cái tinh thần khúc-triết vậy.

Một đặc điểm nữa là văn học Trung-hoa sau một thời vài kỷ toàn thịnh, người Trung-hoa không chịu nỗ-lực để mưu lấy cuộc tiến-hóa cho văn học nữa.

Điều ấy ta không lấy làm lạ: Từ rảo, người Tàu, đánh đông, chiếm tây, đầy rộng bờ-cõi ra hàng triệu cây số, lập nên nước đại Trung-hoa như ngày nay. Nghĩ đến sản-hóa cũ của họ, cái sức mạnh đã đưa họ lên đóng vai bá chủ, họ lấy làm tự mãn, tưởng cái gì của mình cũng thần thánh cả rồi.

Một ngày kia họ đã quan niệm một kiểu nhà, một mẫu quần áo, một lối xe, một cách làm ruộng... thì dù cái kiểu nhà ấy có lụp sụp không hợp vệ-sinh, mẫu quần áo ấy có lòng thông không tiện cho sự hoạt-động ngày nay, thì họ cũng mặc, không chịu thay đổi. Có dịp gì để cho họ so-sánh nhà của họ, quần áo của họ, cách làm ruộng của họ với nhà cửa, quần áo, cách làm ruộng của một nước khác thì vì cái kiêu-ngạo quốc-gia âm ảnh, họ chỉ trông thấy những cái hay — có khi là tưởng-tượng nữa — của họ.

Người ta kể rằng một hôm, người ta mời một vị quan Tàu xuống xem một cái tàu chạy bằng máy, (thời ấy tàu còn biếm); sau khi giảng giải cho vị quan ấy hiểu cái tàu như thế nào, máy móc của nó thế nào, nó chạy thế nào, người ta chờ ở vị quan ấy sự sùng-sốt và những lời khen ngợi: Nhưng không. Vị quan ấy chỉ bình tĩnh nói rằng: « Cái tàu này còn bé hơn nhiều thuyền buồm của nước Trung-hoa » ! (4)

Về văn học cũng vậy, người Trung-hoa vẫn cho rằng văn-học của họ là phong phú và giá trị nhất thế giới, thành ra bao nhiêu thế kỷ, họ không nghĩ đến việc cải-cách đề cập ngày càng tiến-hóa. Ngày xưa người ta than thấy « lá ngô đồng rụng », « cái nhận về Nam », ngày nay người ta cũng than « lá ngô đồng rụng », « cái nhận về Nam ». Và trong văn học của họ đã có một số những tiếng khốn, những ý mầu, nhà văn chỉ việc nhặt sẵn ở trong trí, ra mà dùng. Dùng lâu nó không có nghĩa gì nữa, văn học tàu về cuối thế-kỷ trước đã thành một thứ văn học tàn tạ như một cái vườn cảnh trong ấy nào núi giả, cây uốn, cảnh cỗi, nhạt nhẽo... (5)

Đọc đoạn phân-tích tinh-thần hai văn hóa Đông phương và Tây phương trên, chắc bạn đọc nhận thấy rằng tôi đã nêu một vài cái nhược điểm của văn hóa Đông-phương, và như vô tình tôi đã có ý phản-nạn về những nhược-điểm ấy. Như vậy là vì tôi nhận thấy rằng văn học của ta, chịu ảnh hưởng sâu xa của văn học tàu, cũng bị lặn lội vì những nhược điểm ấy. Giá văn học tàu đã sớm

biết thay đổi cho thích ứng với cuộc sống còn thì, có lẽ văn học ta không phải chờ đến ngày nay mới tìm được con đường giải-thoát.

Tuy nhiên, có ý trách, là vì lấm lũng đối với quốc văn, quá triền rọng ở quốc văn, chứ thực ra, cái văn học Trung-hoa, với tất cả những nhược điểm của nó, đã là cái nền tảng của quốc văn ta rồi.

Trong mục này tôi muốn xét lại xem về đầu thế kỷ thứ XX, cái nền tảng ấy còn những gì và các nhà văn ta đã làm những gì để giữ lấy cái nền tảng ấy làm những gì để lấy những cái tinh-tủy khác của văn học Trung-hoa đắp thêm vào cho nền-tảng ấy.

Nếu đồng thời tôi nói đến cả công việc thu thập những cái hay của văn học Pháp đem về cho văn ta, tôi đã nói đến công việc rất quan trọng của lớp nhà văn từ 1905 đến 1930: công việc dịch thuật.

Ảnh hưởng của văn học Pháp — công việc dịch thuật của lớp nhà văn tiên phong

Trong chương-triệu tôi đã nói đến cái công-việc dịch thuật, việc « đem học-thuật Tây-ây, dùng tiếng nôm ta mà dạy phổ thông cho những người Nam không phải đi nhà trường cũng học được, hoặc đã đi học rồi mà học thêm »; tôi đã nói qua về cái kết quả ấy của công-việc ấy, là đã đem những tư tưởng của Tây-phương xen dần vào tư tưởng của mình, đem những cái đặc sắc của văn-học Tây phương trộn dần vào những đặc-sắc của văn học mình. Thêm vào đây cái ảnh hưởng tự-nhiên

của người mình đã chịu trong khi từ bé đến lớn, học chữ Pháp, học tư-tưởng và quan niệm theo người Pháp.

Một điều nhận xét là cái ảnh hưởng kia càng mạnh bao nhiêu thì cái ảnh hưởng của văn-học Trung hoa nhạt đi bấy nhiêu.

(Còn nữa)

LÊ THANH

1) Ở Đông châu có dịch, tập này đã đăng Nam phong từ số 56.

2) H. B. chua. — Vương Mộng-Tăng liệt Tuấn Mạnh uáo phải Đạo gia, e không ổn. vì Tuấn, Mạnh đáng phải đặt vào phải Nho gia mới đúng.

3) Définition nominale

4) Kề trong cuốn La civilisation chinoise moderne của Legendre, tr. 181.

5) Phải chờ đến 1915 mới thấy một nhà văn tàu: Hồ Thi h cổ độ g sự cá h-mệnh cho văn chương.

Sách mới

TRUYỆN DỊ THƯỜNG

(Histoires extraordinaires)

của Edgar Poe

Bản dịch của Mộng Huyền

Giá 4\$50

TÌM NGHĨA VĂN HỌC

của NG. HƯNG PHẤN

Giá 2\$20

TRIẾT HỌC

ARISTOTE

của NG. ANH NGHĨA

Giá 3\$80

LY TAO

của KHUẤT NGUYỄN

Giá 6\$00

Bản dịch của Nhung Tống

Sắp có bản

Chính Trị Đại Cương

của NG. PHƯƠNG NAM

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT

29, Lamblot — Hanoi

NHỮNG ÔNG NGHỀ...

(Tiếp theo trang 17)

tiến-sĩ Khoa 1499. Hai lần đi sứ (Đặng khoa lục, q. 1, tờ 49 a). « Năm đ'nh-mão 1507 hiệu Đoan-khánh, làm Hộ-bộ đô-cấp-sq-trung, sung chức phó sứ sang nhà Minh tạ về việc lễ-đ'ếu vua Lê H.ển-tông (1497-1504). Năm canh-ngọ 1510 thăng Bộ-bộ tả-thị-lang. Mùa đông năm 1511, Trần Tuấn làm loạn, nhữn dân ở thành Thăng long trốn cả. Vua Lê-Tương dực sai ông và đài-quan cùng khoa đi khám xét và ngăn-cấm nhân-dân không cho trốn: ông lại cùng bọn Nguyễn-tông Thước năm người, đưa gia-quyển trốn về nhà trước! Vua g'ận lắm, bắt tội chết (dịch ở Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-lâm tờ 58 a b).

12. — Bùi trạch-Lân, người làng Cao kinh, huyện Thủy dương, tỉnh Hải dương. Làm quan đến tham-chính (Đặng khoa lục, q. 1, tờ 49 l; Đặng khoa bị khảo, q. Hải dương, tờ 63 b 64 a).

13. — Nguyễn-văn-Phạm, người làng Tiên-lão, huyện Bình-hà (Thanh hà), phủ Nam sách, tỉnh Hải-dương. Làm quan đến Hàn-lâm-viện biệp-thảo (Đặng khoa lục, q. 1, tờ 49 b; Đặng khoa bị khảo, q. Hải-dương, tờ 72 a; chép làm quan đến Hàn lâm-viện thừa-chỉ).

14. — Phạm-duy-Viên, người làng Ngọc-cự, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-dương. Làm quan đến lục-sự (Đặng khoa lục, q. 1, tờ 49 b; Đặng khoa bị khảo, q. Hải-dương, tờ 14 a).

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỔ

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(Tiếp theo trang 9)

lập quốc, mà Mã-Viện sang Giao-chỉ vào năm 42 sau T.-C. Thế thì làm gì đã có nước Lâm-ấp mà đi đánh? Cũng có người nói: Đoạn ấy sách chép « Lâm-ấp man » nghĩa là « rợ Lâm-ấp » chứ có chép rõ nước Lâm-ấp đâu? Nhưng ở dưới có câu: « Lại-từ phía nam đi 400 dặm nữa đến nước Lâm-ấp » chép rõ ba chữ « Lâm-ấp quốc ». Vậy thì xuyên-tạc biết là chừng nào!

Nhưng ta hãy tạm gác những việc bằng-cứ vào sách nghìn năm về trước. Ta hãy thử xét từ sáu bảy trăm năm nay trở lại xem sao? Sứ ta chép rằng: « vào khoảng tháng 4 năm nhâm-thân (1272) tức là năm thứ 15 hiệu Thiệu-long đời Trần Thánh-tông, nhà Nguyên sai Ngột-lương sang hỏi cội cũ đồng-trụ. Vua Trần sai Lê-kính-Phu đi hội khám. Kính-Phu nói: « Cái chỗ Mã-Viện lập đồng-trụ, vì đã lâu năm, lạc mất, không rõ chỗ nào ». Sau, việc ấy bỏ ». (Khâm-định Việt-sử, chính biên, q. 7 tờ 14 b).

Đến năm Ất-dậu (1345) là năm thứ 5 hiệu Thiệu Phong đời Trần-Dụ-tông, nhà Nguyên sai Vương-sĩ-Hành sang hỏi cội cũ đồng-trụ, vua Trần sai Phạm-Sư-Mạnh sang Tàu đề biện luận. Khâm-định Việt sử, chính biên (q. 9 tờ 46 a).

Từ bấy giờ trở về sau không thấy Sứ chép gì nữa, thế là gần sáu trăm năm nay, người Tàu chắc cũng có hỏi muốn xâm-lấn cội ta, như lời cuối Trần, người Minh đã nghiệm-nhên làm chủ trong mười bốn năm (1414-1428), thế mà cũng không tìm ra di-tích đồng-trụ.

Việt sử khảo-lược có câu rằng: Xét về thuyết đồng-trụ, các Sứ Tàu cho là một chuyện hay (mỹ-dâm) nên sau theo trước, nối nhau phụ hội thêm ra, mà đều không biết đích ở chỗ nào. Duy Thủy-kinh-chú cho là đã xuống bề...

Cứ thế ra thì phải lấy hết sách chữ nho chia ra từng loại, nếu chưa thể đi đào được, thì phải đi tìm-tòi những lời tục truyền ở các vùng có tên đồng-trụ, còn chép theo sách mà bàn, thì chưa tài nào « chiếu thêm được ánh sáng ».

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỔ

Bìa sổ này d'ở ông bạn chúng tôi là Họa sĩ Trịnh hữu Ngộ tốt nghiệp trường Mỹ thuật Đông dương vẽ giúp.

Xin thành thật cảm ơn ông.

Tri Tân

Sách mới

TRUYỆN DỊ THƯỜNG

(Histoires extraordinaires)

của Edgar Poe

Bản dịch của Mộng Huyền

Giá 4\$50

TÌM NGHĨA VĂN HỌC

của NG. HƯNG PHÁ

Giá 2\$20

TRIẾT HỌC

ARISTOTE

của NG. ANĐ NGHĨA

Giá 3\$80

LÝ TAO

của KIỂU NGUYỄN

Giá 6\$00

Bản dịch của Nhưag Tống

Sắp có in

Giới Trí Đại Cương

của NG. PHU NG NAM

N.Đ. XUẤT BẢN TÂN-VIỆT

23, Lamblot — Hanoi

NAM DÂN BAT CHÂU THI HẢO

Tác-giả TÙNG-VÂN đạo-nhân

Vịnh một giai đoạn «Phủ đường xử án

Thủy-Kiều»

(Phê Kiêu 22)

Nào nghiêm-huấn, ái tì h, nào tài, nào sắc ;
 An Thủy Kiêu, cũng rắc-rối ghê mà !
 Trên nặt sắt, dưới sân hoa ;
 Mẫu-đơn thử phép, mộc-già thử thơ.
 Câu tình lẽ, cân-đo bề nội-ngoại ;
 Đạo dẫu con, phán-giải nghĩa gia-đình.
 Nếu gặp lại-già Chung-khanh,
 Đã ba trăm lạng định-ninh việc này.

LVIII

Phủ-đắc « Long lạnh đầy nước in trời,
 thành xây khối biếc, non phơi bóng vàng »

(Phê Kiêu 23)

Người nhớ cảnh, giang-hồ quan-lái,
 Cảnh ghẹo người, mây, núi, nước, trời.
 Thủy-thiên một tấm gương coi,
 Lên kinh bích-ngọc, vào đời hoàng-kim.
 Sân Tích-huyện, lá ngò xem mới dựng ;
 Nóc Lâm-thành vàng-quế tưởng còn in.
 Quan san còn cách dặm nghìn.
 Gặp thu ai hăng tạt, nhìn cảnh thu.

Chú-thích

Thủy thiên = Cỗ-văn : « Thu-thủy cộng trảng-
 thiên nhất sắc. »

Lên kinh bích-ngọc = « Thập nhị bích thành »,
 nơi cảnh Ngọc-kinh chỗ tiên ở. Đám mây về mùa
 thu thường có khí phẳng như bức thành, người
 ta thường trở là thành tiên xây.

Vào đời hoàng-kim = Tống thi : « Nhật sạ
 văn-hà kim thế giới. »

(Câu đề mục này là tả cảnh thu, tức là thời-
 kỳ Thúc-sinh từ Tích-huyện lên Lâm-chi, trong khi
 đi đường trông thấy, trước khi có sự Khuyển-ưng
 xảy ra).

LIX

Phủ đắc «Tiệc hoa những ngậm-ngùi xuân»
 (Phê Kêu 24)

Lời đồng cốt quàng xiên, nghe càng thêm nợ ;
 Hoà thối đầu ! mà xu lư nữa lại càng !
 Ngán bề quốc sắc, thiên hương !
 Nhịn theo lửa thủy, đoái thương tro hồng.
 Trên Tam đảo những dùm không mây lục liễu ;
 Dưới cửu-tuyền còn thuyết ảo mặt phù-dung.
 Ay ai thuận nẻo gió đáng :
 Cảnh Hoa nô đã bầy trong trang đài !

Chú-thích

Lửa thủy, tro hồng = Nét hồng thủy đã trải
 qua kiếp tro lửa.

Đùm không, thuyết ảo = Đều là ý nửa tìm
 nửa ngờ mà phỏng- đoán.

Mây lục liễu, mặt phù dung = Đường thi
 « Phù-dung nhu diện, liễu như mi. »

LX

Nghĩ-đề « Hoạn-gia Quan-âm-oác » — Bài
 thứ nhất
 (Phê Kiêu 25)

Nam-vô Quan thế-âm bồ tát !
 Khen cho ơi chữ luy đã vào không.
 Sơn hồ cồ thụ thông-dong,
 Nước dương đã tưới, lửa lòng đã tan.
 Số phượng cựa, đã giải oan-luân kiếp.
 Hàm sư thiêng, đã nhường phép Phật-bà.
 Ba nghìn thế giới vườn hoa,
 Chàng áo xanh, khéo dân mà đến đây !

Chú-thích

Luân kiếp = Phật gia có thuyết « luân hồi »
 nghĩa là sự nhai quả trong ba kiếp là « kiếp trước,
 kiếp hiện-tại, kiếp sau », đều có quan-hệ với nhau.

Ba nghìn thế-giới = Nhạc-phủ, thơ Tô-thai :
 « Lăng là g dũ sạch ba nghìn », ý nói xa cách
 cõi trần.

T. V.

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHẠM ĐƯỜNG CHẠM ĐƯỜNG

Số 23

CHU-THIÊN

Rồi người ấy cầm kiếm tự đâm cổ máu vọt ra, mắt trợn lên, ngã vấp xuống đất đôi mắt vẫn mở thao láo chừng-chừng nhìn hai chàng. Hai chàng không kịp cứu chữa, đều kinh ngạc lạng lẽ đứng nhìn một lúc, rồi mới cùng khiêng tử thi nằm ngay-ngắn lại. Hai chàng loay hoay nhờ cổ đào đất, tìm cách chôn vùi sắc chết, thì Kim-Vân công-chúa với một đoàn kỵ-sĩ tiến-ra. Trông thấy cảnh tượng ấy, ngạc nhiên, nàng xuống ngựa hỏi duyên cớ. Đem-nhiên như không, Đoàn-Vân đáp :

— Kẻ này cậy thế hếp người, bắt được quả tang, tội giết !

Kim-Vân sợ hãi nói : Đoàn Công-tử chép miệng đứng đĩnh nói :

— Tội nghiệp thằng này, mới sung vào đội quân binh xây thành. Thế mà nó đã ra làm bậy, nó làm gì ?

— Nó đuổi bắt mấy người đàn bà !

— Thế thì thôi ! Nó vừa mới được nghỉ hôm nay. Ra nó đến đây chỉ chú ý vậy. Thôi các anh đề quân lính vùi sâu chôn chặt cho nó tử tế, Dù sao cũng một kiếp người !

Chôn lấp kẻ bất hạnh xong, cả đoàn người đều đứng tần-ngần đợi lệnh, âm thầm vừa sợ-sột. Công-tử Thịnh-Nguyên hỏi Đoàn công-tử :

— Ta đi hay về !

— Về thôi ! Xuất hành bất lợi rồi ! Còn đi làm gì ! Kim-Vân công-chúa cũng tiếp :

— Vâng về là phải...

Mọi người đều râm rập, lạng lẽ ra về.

V

Từ Đây, Đoàn công-tử càng thêm băn-khoăn lo-nghĩ. Tuy ngoài mặt vẫn giữ vẻ vui cười, bàn bạc với Kim-Vân công-chúa và cô khi cả với đức vua Chương-Võ về mưu kế khởi sự và cách thức dùng binh, đề sửa-soạn đại tiến rửa thù, nhưng bên trong tự đáy lòng chàng đương bối-loi quyết định một việc gì to-tát, nên chàng kín đáo và hoài nghi lắm. Táo bạo thấy bóng người lạ, chàng đã sợ sệt tưởng chừng như ma quỷ đến ám hại mình, chàng cố giữ vẻ mặt vui tươi mà lảng xa dần. Chàng khéo dấu diếm cái tâm trạng ấy-náy đó không một ai biết cả. Có biết chăng họa là công-tử Thịnh-Nguyên. Chàng cũng ít ra ngoài đi chơi nữa. Bằng đi mười hôm, chàng mới lại cùng công-tử Thịnh-Nguyên và Kim-Vân công-chúa thẳng lên rừng Bàng xem quy mô xây dựng của cung phủ nhà Lý. Vừa ra khỏi ngoài thành, một tên ăn-mày rách rưới lam-lũ bẩn thỉu đến ghé-tỏm chạy ra cản đường kêu xin. Kim-Vân chặn tiền rồi, nó còn cố

cản hai chàng lại kêu van thăm thiết :

— Trăm lạy công-tử con đòi rách không có mảnh áo che thân, xin công-tử rủ lòng thương cho con một chiếc áo manh quần.

Đoàn công-tử cười :

— Ồ thằng này diên ! Ai có áo mà cho mày !

Nhưng công-tử Thịnh-Nguyên ngạc nhiên khi nhìn thấy đôi mắt sáng ngời của tên ăn-mày. Chàng cho ngựa đi sát bên Đoàn-Vân và ghé tai bảo thầm mấy tiếng, Đoàn-Vân cũng ngựa-nhiên theo, chừng chừng thẳng vào cặp mắt kẻ ăn-mày. Tên này cũng dưng mắt sáng ngời nhìn lại chàng chăm-chập và vẫn Kêu van thăm-thiết ! Chàng vội giữ vẻ bình-tĩnh gắt :

— Ở kia cái thằng này dài như đĩa dơi ấy. Ừ thì đi đi. Mai, xem có cái gì tao cho !

Tên ăn-mày vái chào đứng lu ra bên đường nhường lối cho ngựa đi. Đoàn công-tử chép miệng thốt ra :

— Quân quái quỷ thật !

Kim-Vân công-chúa thở-dài nói tiếp :

— Em thấy người ta nghèo khổ, em cứ thương thương là. Cứ vì cùnh chiếu mà sinh linh lầm than như vậy. Em đã bàn với thầy em lập nhà đề nuôi họ.

Đoàn-Vân khen :

— Em hay thương người quá !
Rồi cả đoàn lại vui vẻ đi.

Hôm sau y hẹn, Đoàn công-tử sách một bọc vải ra ngoài thành đến một quãng vắng đã thấy tên ăn mày ngồi đợi ở đấy. Chẳng óa học, hẳn đỡ lấy lấy ta. Im lặng, hai người chưa ai nói thêm câu gì nữa. Băn khoăn một lúc, chàng hỏi :

— Anh trá hình đến đây, chủ đích muốn gì ?

— Băn muốn gặp công-tử.

— Được, ta biết rồi. Không cần phải nói gì nữa. Anh về đi. Mai ngày kia bảo cả Nghĩa-sĩ Vân-Côi lại đây, ta bảo. Các anh chỉ biết xa nghĩ lão thôi,

— Nhưng...

Đoàn Văn gật :

— Chẳng nhưng sao cả ! Mang quần áo cũ đi mà xin nơi khác...

Tên ăn mày ra vẻ giận dữ nhìn ra thấy một vị quan tiến lại chào Đoàn công-tử hẳn mới lui thôi đi...

Sau đấy ít lâu, một hôm, tối đã lâu, Đoàn Văn và Tịch - Ngụ ăn đi chơi mát về, cho các lính hầu đi ngủ cả rồi, hai chàng còn ngồi lại nói chuyện chưa đi nằm vội. Giờ đã sang quá nửa đêm, mắt mệt, dễ chịu, Đêm không giảng nhưng nhiều sao, sáng mờ-mờ Bỗng bẽ lạng-lẽ, Đâu đấy hình như đã yên ngủ. Hai chàng vẫn còn ngồi ra chiều dăm dăm suy-ngĩ dữ lẫn. Họ thức khuya như thế là thường. Không hề ai để ý đến. Bỗng ở ngoài tiến vào hai người lính cúi chào. Đoàn Văn không nói hỏi ngay :

— Các anh đóng kỹ cửa lâu rồi chứ !

— Bẩm đã !

— Không còn ai ở đây !

— Bẩm không !

Đôi giọng chàng đứng dậy nói :

— Mời Nghĩa-sĩ và công-tử ngồi. Tôi muốn tối hôm nay phải làm xong việc. Rồi hai người sẽ rõ lòng tôi. Đây giờ bắt tất nói nhều !

Công tử Tịch Ngụ cũng nói.

— Và anh em chúng tôi càng thêm phục chí khí tâm địa hai Nghĩa-sĩ.

Hai người lính kia đều cúi đầu mình tạ lại. Hai người lính ấy tức là Nghĩa-sĩ Vân-Côi và Công tử Hòa Dao vậy.

(Còn nữa)

CHU-THIÊN

do Quảng-Vạn-Thành phát hành sắp in xong

ĐỜI DOÀN-THẾ

của Hải-Tùng, — « Tam-Hữu » xuất bản

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Sách dày ngót 150 trang giấy ta, có 17 mục : 1. Tư-dự và Công-dự — 2. Cá-nhân và Xã-hội — 3. Xã-hội và các loại xã-hội — 4. Xã-hội muốn cứng vững và tiến bộ cần : Lũng điều kiện gì — 5. Quan-niệm về xã-hội của nước ta — 6. Vì dân quan-niệm về xã-bội của người Việt-Nam không được chính xác ? — 7. Quan-niệm về xã-hội không được chính-xác gây ra những tệ-hại gì ? — 8. Người Việt-nam ngày nay nên có quan-niệm về xã-hội như thế nào ? — 9. Mỹ-nguyên tác chính nên chú ý vào khi ta muốn dựng một xã-hội chắc chắn. — 10. Tinh-thần hợp tác. — 11. Tinh-thần giữ kỷ-luật. — 12. Tinh-thần chịu trách-nhiệm và giữ trách-nhiệm. — 13. Tôn trọng việc công và của cố-ig. — 14. Giữ lễ — 15. Làm việc cho xã-hội. — 16. Lòng bác-ái. — 17. Dùng cơ-quan nào lựng nền công đức ở xã-hội ta. Giá bán lẻ 2\$00

Vì nào gửi tiền mua trước ngày 30 Jun 1944, xin trừ 20 % cước phí không phải chịu

Cùng các vị thân chủ Thư-quán, xin chú ý rằng những sách do Quảng-vạn Thành phát hành đều là sách chọn lựa cẩn thận, vị nào muốn đọc bao nhiêu xin kíp viết thư thương-lượng, không lại như quyền Văn-liệu Từ-diễn năm ngoái, có vị biết đến thì đã hết rồi.

Cùng các nhà văn — « Tam-Hữu » bản cục chúng tôi, muốn công-hiến quốc-dân những sách có giá-ti, vậy trong hai tập : Văn-tử, vị nào có tác-phẩm gì — hoặc sáng tác, hoặc phiên-dịch, nhất về pho-ti ông họ-thứ — xin chờ b.ế, chúng tôi sẽ tìn đến, trân trọng g.ởi o.à x.à, l.ẽ ất nhiên không dám đồ ph.ụ lòng những bậc văn-hào hạ cổ tin yêu tới.

Mọi việc giao-dịch, xin do : Quảng-Vạn-Thành

16 phố Lê-Lợi Hanoi — 51 phố Doumer Haiphong

Thư-xã Alexandre de Rhodes

ĐÃ XUẤT BẢN

BÓNG TRE XANH

của Kỵ-Tám ĐỖ-THỤC VINH

Một cuốn tiểu-thuyết tả đời sống ở thôn-quê, đã được giải-thưởng GIA-LONG của hội ALEXANDRE de RHODES năm 1943.

Lời phê của Cụ Thượng Phạm: « Cuốn này dàn-xếp rất khéo, lời văn giản-dị, tự-nhiên, đọc lên thấy lý-thú và cảm-động... »

Sách dày 180 khổ 12×19

Bản thường... 1\$50

Bản giấy Đại La... 6\$00

cước... 0\$47

Tổng phát-hành

MAI-LĨNH

21, rue des Pipes Hanoi

Sắp có bán

CỤC ĐÔNG

cổ sử

của Nguyễn Đức Quỳnh

Nghiên cứu về lịch sử địa dư, kinh tế, chính trị của Trung quốc và AN ĐỘ

Đã có bán

NGUYỄN CÔNG TRỨ

của NGUYỄN BÁCH KHOA

dày 400 Trang giá 6\$00

Mua một cuốn gửi thêm 0\$80 cước

Không bán lẻ hóa giao ngân

HÀN THUYỀN 71 Tiên Tsin — Hanoi

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC

SỬ LU'ỢC

của PHAN KHOANG

Một bộ sách kê-cứu rõ ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quý của hết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại:

Loại thường bán 6\$00 cước 0\$47

Loại đặc-biệt 15\$00 cước 0\$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho:

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

QUỐC HỌC THƯ XÃ

Mới phát hành

VIỆT HOA THỐNG SỬ

Giá 5\$00

Sắp phát hành

Lược-luận về PHỤ-NỮ VIỆT-NAM

Luận-ly DU-THUYẾT YẾU THUẬT

LỊCH - SỬ BẢO - CHÍ hoàn cầu

NGHỆ - THUẬT và DANH - GIÁO



mua sách, đặt sách, xin viết cho

M. LÊ VĂN HOÈ

16 bis Tientsin Hanoi

REVUE TRI-TÂN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant: Nguyễn Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chancéaulme, Hanoi